



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Số: 109.../CECO-PTHT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty CP thiết kế công nghiệp Hóa chất

- Mã chứng khoán: CEC

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 21A phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: 04.3845.5777

- Fax: 04.3823.2325

- Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thị Minh Thu – Kiểm soát viên.

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về tài liệu Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất dự kiến tổ chức tại Hà Nội ngày 20/4/2019.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/4/2019 (đường dẫn: www.ceco.com.vn/Quan_hệ_cổ_đồng/Thông_tin_chung).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu gửi kèm:

- Các tài liệu tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trương Thị Minh Thu

DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Chương trình Hội nghị;
2. Quy chế làm việc của Hội nghị;
3. Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2019;
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 (*kèm theo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018*);
5. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và Kế hoạch lợi nhuận năm 2019;
6. Tờ trình thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019;
7. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Phương án bầu bổ sung (*kèm theo Đơn xin từ nhiệm của ông Đỗ Hiên Ngang và ông Đinh Đức Bộ*);
8. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (*kèm dự thảo Điều lệ sửa đổi và thuyết minh các nội dung sửa đổi, bổ sung*);
9. Tờ trình đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019;
10. Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 và Dự kiến chương trình hoạt động năm 2019;
11. Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (*kèm theo các biểu mẫu*).
12. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và dự kiến chương trình hoạt động năm 2019;
13. Dự thảo Nghị quyết Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

CHƯƠNG TRÌNH
HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

TT	Thời gian dự kiến	Nội dung
1	08:00- 08:30	1.1- Đón tiếp đại biểu và cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông, đăng ký dự họp 1.2- Phát tài liệu dự họp, thẻ biểu quyết
2	08:30- 08:35	2.1- Ổn định tổ chức chuẩn bị hội nghị, chào cờ 2.2- Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự 2.3- Giới thiệu và thông qua Ban Thẩm tra tư cách cổ đông
3	08:35- 08:40	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
4	08:40- 08:45	4.1- Bầu Đoàn chủ tịch, Đoàn Thư ký 4.2- Giới thiệu và thông qua danh sách Ban kiểm phiếu
5	08:45- 08:50	Thông qua chương trình và quy chế làm việc của hội nghị
6	08:50- 09:00	Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2019;
7	09:00-09:15	7.1- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018; 7.2- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và Kế hoạch lợi nhuận năm 2019; 7.3- Tờ trình thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2019; 7.4- Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Phương án bầu bổ sung.
8	09:15-09:30	Bầu bổ sung Thành viên HĐQT Công ty
9	09:30-09:50	Giải lao
10	09:50-10:00	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
11	10:00-10:15	Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và dự kiến chương trình hoạt động năm 2019
12	10:15-10:25	12.1- Báo cáo về hoạt động của BKS trong năm 2018 và kế hoạch năm 2019 12.2- Tờ trình đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019
13	10:25-10:30	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu Kiểm soát viên
14	10:30-11:00	Thảo luận, trả lời chất vấn, lấy ý kiến góp ý của cổ đông

TT	Thời gian dự kiến	Nội dung
15	11:00-11:15	Biểu quyết thông qua các vấn đề riêng lẻ
16	11:15-11:25	Thư ký hội nghị đọc dự thảo Biên bản họp và nghị quyết
17	11:25-11:30	Biểu quyết thông qua Biên bản + Nghị quyết của hội nghị. Bế mạc

Ghi chú:

- Thời gian: 08h00 ngày 20/4/2019.
- Địa điểm: Trụ sở CECO - số 21A Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội.

GIẤY XÁC NHẬN

THAM DỰ HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

**Kính gửi: Ban tổ chức hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**

Tên tôi là:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

.....

Hiện đang sở hữu.....cổ phần.

(Bằng chữ:.....)

Xác nhận sẽ tham dự ☐ Vắng mặt ☐ Ủy quyền ☐

Tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất ngày 20/4/2019./.

.....Ngày.....tháng 4 năm 2019

CỔ ĐÔNG

(ký, ghi rõ họ tên)

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: Ban tổ chức hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

1. Bên ủy quyền

- Tên cá nhân/tổ chức:
- Số CMND/GPĐKKD:.....cấp ngàytại.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Số cổ phần sở hữu:Cổ phần.

2. Bên được ủy quyền (đánh dấu X vào ô lựa chọn để ủy quyền)

- ☐ Ông: Nguyễn Mạnh Hùng, Chủ tịch HĐQT
- ☐ Ông: Đỗ Hiên Ngang, Ủy viên HĐQT
- ☐ Ông: Đinh Đức Bộ, Ủy viên HĐQT
- ☐ Ông: Nguyễn Thủy Nguyên, Ủy viên HĐQT
- ☐ Ông: Nguyễn Công Thắng, Giám đốc Công ty
- ☐ Tên cá nhân:
- Số CMND/GPĐKKD:.....cấp ngàytại.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Số cổ phần có quyền biểu quyết.....cổ phần. Bằng chữ:.....
-

3. Nội dung ủy quyền

Bên được ủy quyền có quyền tham dự và biểu quyết tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu.

4. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký tới khi kết thúc hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất./.

.....,ngày.....tháng 4 năm 2019

Người nhận ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2019

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung ngày 12/9/2016,

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành Hội nghị Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi tắt là Hội nghị) thường niên 2019, đồng thời hướng dẫn cho cổ đông tham gia Hội nghị và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất kính trình ĐHĐCĐ thông qua Quy chế làm việc tại Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA HỘI NGHỊ

1. Cổ đông/đại diện cổ đông khi đến tham dự Hội nghị mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông tại bàn tiếp đón.
2. Khi vào hội trường tổ chức Hội nghị phải tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Hội nghị từ khi bắt đầu Hội nghị cho đến khi kết thúc Hội nghị. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông vì bất kỳ lý do gì phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Hội nghị thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Hội nghị mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông/đại diện cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Hội nghị.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI HỘI NGHỊ

1. Nguyên tắc:
 - Các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình nghị sự của Hội nghị đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Hội nghị. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
 - Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông/hoặc người được ủy quyền khi cổ đông/người được ủy quyền làm thủ tục đăng ký dự họp. Trên Phiếu biểu quyết ghi rõ họ tên và số cổ phần của cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện.
 - Mọi thắc mắc liên quan đến thông tin của cổ đông ghi trên thư mời và Phiếu biểu quyết phải được báo cho Ban Tổ chức hoặc Thư ký Công ty trước giờ khai mạc Hội nghị.
2. Phương thức biểu quyết:

- Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết (đồng ý/ không đồng ý/ không có ý kiến) đối với một vấn đề bằng cách trực tiếp giơ Phiếu biểu quyết;
- Khi tiến hành biểu quyết (đồng ý/không đồng ý/ không có ý kiến) cổ đông sẽ lần lượt giơ Phiếu biểu quyết lên cao theo sự điều hành của Chủ tọa.
- Ngay sau khi hoàn thành phần Biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Hội nghị, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn thể Hội nghị.

3. Thẻ lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết.
- Các vấn đề sau đây được thông qua khi có ít nhất **75%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Hội nghị chấp thuận:
 - ✓ Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Các vấn đề sau đây được thông qua khi có ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Hội nghị chấp thuận:
 - ✓ Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2019;
 - ✓ Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018;
 - ✓ Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và Kế hoạch lợi nhuận năm 2019.
 - ✓ Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;
 - ✓ Tờ trình về thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019;
 - ✓ Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Phương án bầu bổ sung;
 - ✓ Các nội dung khác theo thẩm quyền.

III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI HỘI NGHỊ

- Cổ đông tham dự Hội nghị sẽ phát biểu ý kiến bằng cách đăng ký với Ban Tổ chức. Ban Tổ chức sẽ có trách nhiệm báo cáo Đoàn chủ tịch.
- Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Hội nghị đã được thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ giải đáp các thắc mắc của cổ đông trực tiếp tại Hội nghị và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình Hội nghị.

IV. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

1. Điều khiển Hội nghị theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Hội nghị thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn hội nghị thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình tổ chức Hội nghị.

3. Đoàn chủ tịch có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Đoàn chủ tịch có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự Hội nghị chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; yêu cầu những người không tuân thủ quyền điều hành của Đoàn chủ tịch, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc Hội nghị.
5. Đoàn chủ tịch có quyền hoãn Hội nghị ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự; có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
 - Các sự cố khác nảy sinh trong quá trình Hội nghị.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ HỘI NGHỊ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Hội nghị và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Hội nghị.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Hội nghị.
3. Soạn thảo Biên bản họp và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Hội nghị.
4. Kịp thời thông báo với Đoàn chủ tịch về các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền giải quyết.

VI. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Hội nghị ĐHĐCĐ phải được Thư ký hội nghị ghi vào Biên bản họp. Biên bản và Nghị quyết họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Hội nghị.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc tại Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO

**TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2019**

Tháng 01/2019

MỤC LỤC

PHẦN I. TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2018.....	2
I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.....	2
1. Thuận lợi	2
2. Khó khăn	2
II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018.....	2
1. Số lượng và giá trị các dự án đã tiếp thị, dự thầu và thực hiện năm 2018....	2
2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018	3
III. ĐÁNH GIÁ CÁC CÔNG TÁC KHÁC.....	4
1. Công tác tổ chức, nhân sự	4
2. Công tác kế toán tài chính	5
3. Công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng.....	5
4. Công tác cổ đông, pháp chế và quản lý thông tin	5
IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2018.....	6
PHẦN II. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2019.....	7
1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	7
2. Khối lượng sản xuất chính cần hoàn thành trong năm 2019	7
3. Kế hoạch Marketing và hợp tác phát triển	9
4. Công tác quản trị và phát triển nguồn nhân lực	9
5. Công tác Kế toán Tài chính.....	9
6. Công tác Quản lý khoa học kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng	9
7. Công tác Pháp chế, cổ đông, quản trị.....	10

BÁO CÁO

TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NĂM 2019

Căn cứ vào Nghị quyết số 97/NQ-CECO ngày 21/4/2018 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Ban điều hành báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

PHẦN I

TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2018

(đến hết ngày 31/12/2018)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Đã ký kết được các dự án lớn như EPC NPK Đạm Cà Mau, TKBVTC Messer Dung Quất và Hải Dương, thẩm tra TKCS Hyosung trong cuối năm 2017 đảm bảo đủ việc làm cho các bộ phận sản xuất trong năm 2018;
- Đã ký kết được các hợp đồng lớn vào cuối năm 2018 như 02 dự án thẩm tra Long Sơn, TK BVTC và phòng Cuba để gói đầu công việc năm 2019.

2. Khó khăn

- Dự án NPK bị chậm do các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và dòng tiền của dự án.
- Công ty đã mất rất nhiều nhân lực và vật lực để tham gia dự thầu các gói thầu NOx hiện nay đang dừng triển khai do chủ trương của Chính Phủ.
- Việc thu hồi giá trị tạm ứng còn lại của dự án muối Lào gây rất nhiều khó khăn cho Công ty trong những tháng cuối năm.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Số lượng và giá trị các dự án đã tiếp thị, dự thầu và thực hiện năm 2018

1.1. Tổng số các dự án Công ty đã thực hiện tiếp thị, chào thầu và ký mới trong năm 2018

DVT: triệu đồng

Nội dung	E		P,C		EPC		Cộng	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiếp cận	100	59.619	72	75.249	43	1.490.761	215	1.625.629
Chào giá/Đầu thầu	92	92.785	60	68.300	37	1.136.648	189	1.297.733
Ký HĐ	97	29.883	54	54.706			151	84.589

1.2. Tổng số các hợp đồng Công ty tổ chức thực hiện trong năm 2018

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	E		P,C		Cộng	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Hợp nhất	134	49.894	64	604.804	198	654.697
	Chuyển tiếp	37	20.010	10	550.098	47	570.108
	Ký năm 2018	97	29.884	54	54.706	151	84.589
1	Công ty mẹ	76	43.787	8	550.805	84	594.592
	Chuyển tiếp	37	20.010	3	548.250	40	568.260
	Ký năm 2018	39	23.777	5	2.555	44	26.332
2	Công ty con	58	6.107	56	53.999	114	60.105
	Chuyển tiếp	-	-	7	1.848	7	1.848
	Ký năm 2018	58	6.107	49	52.151	107	58.257

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	KH DHCD 2018	Thực hiện năm 2018	% IIT 2018/ KH 2018	% TH 2018/TH 2017	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4	7=5/3	
I	Tổng doanh thu hợp nhất	130.847	455.000	406.657	89,4%	310,8%	
	Tư vấn TK	15.898	25.000	30.331	121,3%	190,8%	
	Thi công, Mua sắm, khác	109.709	430.000	371.610	86,4%	338,7%	
	Doanh thu khác			2.448			
	HĐ tài chính	5.240	-	2.268		43,3%	
1	Công ty mẹ	77.920	370.000	367.634	99,4%	471,8%	
	Tư vấn TK	15.780	25.000	27.855	111,4%	176,5%	
	Thi công, Mua sắm	59.210	345.000	334.077	96,8%	564,2%	
	Doanh thu khác			2.448			
	HĐ tài chính	2.930		3.254		111,1%	
2	Công ty con	52.927	85.000	39.023	45,9%	73,7%	
	Tư vấn TK	118	-	2.476		2098,3%	
	Thi công, Mua sắm	50.499	85.000	37.533	44,2%	74,3%	
	Doanh thu khác						
	HĐ tài chính	2.310		(986)		-42,7%	
II	Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	112	10.000	4.621	46,2%	4132,4%	
1	Công ty mẹ CECO	103	6.175	4.069			
2	Các Công ty con	9	3.825	540			
3	Từ Công ty liên kết			12			
III	Lao động tiền lương						Công ty mẹ
1	Tổng quỹ tiền lương thực chi	17.892		22.648		126,6%	
2	Lương BQ/tháng (triệu đồng)	9,6		10,84		112,9%	
3	Tổng thu nhập thực chi	20.860		27.070		129,8%	
4	Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng)	11,2		12,96		115,7%	
IV	Công tác đầu tư	1.003	740	352	47,6%	35,1%	Công ty mẹ
1	Đầu tư xây dựng	180		-			
2	Đầu tư khác	823	740	352			

ĐVT: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2017	KH ĐHCĐ 2018	GTHĐ chuyển sang 2018	GTHĐ ký mới năm 2018	GTHĐ theo dõi năm 2018	Thực hiện năm 2018	% HT 2018/ KH 2018	% TH 2018/TH 2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8/4	10=8/3
1	Giá trị SXCN	133.179	455.000	570.108	84.589	654.697	426.425	94%	320%
	Tư vấn TK	36.812	25.000	20.010	29.884	49.894	29.709	119%	81%
	Thi công, Mua sắm, khác	96.367	430.000	550.098	54.706	604.804	396.716	92%	412%
1	Công ty mẹ	78.842	370.000	568.260	26.332	583.372	384.418	70%	488%
	Tư vấn TK	34.862	25.000	20.010	23.777	43.787	29.709	119%	85%
	Thi công, Mua sắm, khác	43.980	345.000	548.250	2.555	550.805	354.709	103%	807%
2	Các Công ty con	54.337	85.000	1.848	58.257	60.105	42.007	29%	77%
	Tư vấn TK	1.950	3.000	951	6.107	7.058	-		
	Thi công, Mua sắm, khác	52.387	82.000	897	52.151	53.048	42.007	51%	80%

III. ĐÁNH GIÁ CÁC CÔNG TÁC KHÁC

1. Công tác tổ chức, nhân sự

1.1. Công tác tổ chức

- Sơ đồ tổ chức của Công ty sau khi tái cơ cấu từ 01/03/2018 bao gồm: Trung tâm Thiết kế Công nghệ và Tư vấn đầu tư, Trung tâm Thiết kế Tổng hợp, Trung tâm Kỹ thuật Môi trường, Trung tâm Quản lý dự án & Điều độ sản xuất, Phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Kế hoạch Thị trường, Phòng Phát triển hệ thống & Nguồn nhân lực.
- HĐQT đã ban hành quyết định bổ nhiệm 01 PGĐ Trung tâm (Ông Vũ Thanh Sơn).
- Ngoài ra, Giám đốc Công ty đã thực hiện điều chuyển một số nhân sự giữa các bộ phận theo yêu cầu công việc, chủ yếu phục vụ dự án NPK Cà Mau.

1.2. Công tác nhân sự

- Số lao động trong danh sách
 - + Số lao động đầu kỳ (tính đến 01/01/2018): 156 người
 - + Số lao động tăng trong kỳ: 24 người
 - + Số lao động giảm trong kỳ: 24 người
 - + Số lao động cuối kỳ (tính đến 31/12/2018): 156 người
- Tổng số lao động huy động vào công tác SXKD và hưởng lương tại Công ty (CECO) bình quân là 174 người (bao gồm cả HDLD dưới 12 tháng, nhân viên & công nhân thời vụ do các Chi nhánh ký HDLD ...)

1.3. Công tác tuyển dụng

- Công ty đã tuyển dụng 23 kỹ sư trong đó: 02 Kỹ sư Hệ thống điện, 05 kỹ sư Điều khiển - Tự động hóa; 07 kỹ sư Xây dựng (trong đó 01 KS Cầu đường), 01 Kiến trúc sư, 07 kỹ sư Kỹ thuật hóa học; 01 Kỹ sư Công nghệ sinh học và ký lại hợp đồng thuê khoán 02 kỹ sư sau khi nghỉ hưu và nghỉ việc.
- Công ty đã ký hợp đồng thuê khoán ngắn hạn với 07 người gồm: 03 kỹ sư Điện -

Điều khiển. 02 kỹ sư Xây dựng, 01 Kỹ sư Công nghệ hóa.

2. Công tác kế toán tài chính

- Từ đầu năm đến hết Quý III luôn đáp ứng đủ nguồn vốn lưu động phục vụ SXKD, trong đó vốn đi vay ngân hàng không nhiều. Tuy nhiên sang Quý IV do kế hoạch nghiệm thu thanh toán tiền dự án NPK Cà Mau bị chậm (vướng mắc HSNT mốc số 5) nên dòng tiền thu gặp nhiều khó khăn; số vốn lưu động đi vay tăng lên nhiều gây áp lực lớn nhu cầu vốn cho SXKD.
- Việc thu hồi công nợ đối với một số hợp đồng EPC lớn gặp nhiều khó khăn như DAP2, Đạm Hà Bắc, Vigacera.
- Thực hiện tốt công tác nghĩa vụ với ngân sách về thuế, BHXH công tác thanh toán trong nội bộ công ty và bên ngoài (các nhà cung cấp) phục vụ kịp thời yêu cầu của các dự án.
- Hoàn thành việc quyết toán nghĩa vụ thuế của CMPC và hoàn thành hồ sơ đóng mã số thuế các chi nhánh (CNPT, CNQN, CNHN) và Công ty con CPMC.
- Hoàn thành việc cung cấp số liệu, hồ sơ pháp lý với đơn vị định tư vấn giá xác định giá trị doanh nghiệp thoái vốn nhà nước của Vinachem tại CECO đợt 2 năm 2018.

3. Công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng

- Tổ chức và thực hiện đầy đủ các hoạt động liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Hoàn thành cập nhật, sửa đổi toàn bộ văn bản HTQLTH sau khi tái cơ cấu từ 01/3/2018.
- Phối hợp với GICVN hoàn thành đáp ứng tổ chức và thực hiện chương trình *Đánh giá giám sát định kỳ HTQLTH lần thứ 1* cho niên hạn chứng chỉ (2017-2020) do GICVN thực hiện trong tháng 10/2018, được GICVN xác nhận sự phù hợp của hệ thống nhưng còn phải khắc phục một vài điểm KPH nhẹ và xem xét thực hiện các khuyến nghị.
- Hoàn thành tổ chức xây dựng Quy trình QTT-T25 – Đo lường tiến độ dự án của Công ty; Xây dựng quy trình thiết kế và kiểm soát thiết kế theo sơ đồ tổ chức mới của Công ty.

4. Công tác cổ đông, pháp chế và quản lý thông tin

4.1. Công tác cổ đông:

- Thực hiện công bố thông tin kịp thời, đúng quy định;
- Tổ chức thành công Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tại Hà Nội.

4.2. Công tác Pháp chế:

- Hoàn thành việc xây dựng và áp dụng Quy chế lương mới từ tháng 01/2018;
- Xử lý các công việc liên quan đến việc tạm dừng dự án Muối Lào, công tác nghiệm thu, thanh quyết toán dự án DAP2, xử lý sự cố bãi Gips DAP2, dự án Ethanol miền Bắc....
- Hoàn thành việc xin cấp Giấy phép hoạt động điện lực 35KV tại Sở Công Thương Hà Nội;

- Ban hành các quy định: Quy định về chế độ công tác phí, Quy định về chế độ tiếp khách, hội nghị;
- Tham gia tư vấn các vấn đề pháp lý cho các dự án công ty đang thực hiện.
- Duy trì và cập nhật kịp thời các văn bản pháp quy nhà nước và của địa phương liên quan đến mọi mặt tổ chức và hoạt động của Công ty;

4.3. Quản lý thông tin:

- Cài đặt hệ thống gửi nhận file trong mạng LAN và Internet trên máy chủ của công ty và một số máy tính cá nhân;
- Hỗ trợ truy cập, phân quyền cơ sở dữ liệu các dự án của Công ty;
- Tối ưu hóa hệ thống máy chủ của Công ty;
- Tối ưu hóa việc sử dụng internet, tránh sử dụng phần mềm không bản quyền;
- Duy trì tốt công tác truyền thông nội bộ, đảm bảo cập nhật thông tin thường xuyên và hàng ngày liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sinh hoạt đoàn thể và các mặt có liên quan khác;

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2018

Trong năm 2018, giá trị hợp đồng ký mới trong năm ít, giá trị nhỏ, khối lượng công việc nhiều nhưng chủ yếu là Hợp đồng EPC NPK Đạm Cà Mau, Hợp đồng thiết kế lớn Messer Dung Quất, Messer Hải Dương từ năm 2017 chuyển sang. Công ty cũng đã tham gia rất nhiều gói thầu như Vinfast, MMF, các dự án NOx nhưng không đạt được kết quả như mong đợi. Ngoài ra, Công ty còn phải giải quyết các vấn đề còn tồn đọng của các dự án trước đây.

Các đơn vị thiết kế bị quá tải do khối lượng công việc thực hiện nhiều, nhân lực không đáp ứng đủ yêu cầu công việc do vậy phải thuê ngoài cộng tác viên và công ty để đảm bảo tiến độ dự án. Một số đơn vị đã có yêu cầu bổ sung nhân lực để thực hiện tiếp các dự án mới được giao, việc tuyển dụng nhân sự mới cũng gặp khó khăn do mức lương đề xuất thấp so với mặt bằng chung của thị trường lao động.

Sản lượng và doanh thu của công ty năm 2018 tăng nhiều so với năm 2017, tuy nhiên doanh thu chỉ đạt được 89,4%, giá trị hợp đồng ký mới chỉ đạt 45,7% so với chỉ tiêu theo kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra.

PHẦN II

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2019

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty dựa trên các giá trị các Hợp đồng còn lại chuyển sang và các hợp đồng dự kiến khai thác, Ban điều hành đề ra một số các chỉ tiêu trong năm 2019 như sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Triệu VND	Ghi chú
A	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	385.000	Hợp nhất
1	Doanh thu tư vấn thiết kế	35.500	Công ty mẹ
2	Doanh thu mua sắm, thi công	276.400	Công ty mẹ
3	Doanh thu do Công ty con thực hiện	69.000	
4	Doanh thu khác	4.100	Công ty mẹ
B	Lợi nhuận sau thuế	8.500	Hợp nhất
C	Đầu tư xây dựng	880	Công ty mẹ

2. Khối lượng sản xuất chính cần hoàn thành trong năm 2019

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện của dự án EPC NPK Đạm Cà Mau để hoàn thành theo kế hoạch dự án, bắt đầu triển khai thực hiện các công việc thẩm tra của 02 dự án Long Sơn, thiết kế BVTC Xà phòng Thái Bình, hoàn thành Hợp đồng Thiết kế BVTC Messer Hải Dương và Dung Quất.

Ngoài ra hoàn thành quyết toán dự án DAP 2 và Đạm Hà Bắc với Chủ đầu tư; đấu tranh pháp lý dự án EPC Muối mở Lào, tiếp tục tìm kiếm cơ hội và ký kết các hợp đồng như thẩm tra thiết kế dự án Hyosung, di dời Nhà máy Bóng đèn Phích nước Rạng Đông.v.v.

TT	Dự án	Tình trạng	Các công việc cần đạt
1	EPC dây chuyền NPK công suất 300.000T/N của Nhà máy Đạm Cà Mau	Tiến độ đã thực hiện: - E: 100% - P: 65,7% - C: 31,22% - EPC: 58,79%	- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công việc của dự án để đạt được tiến độ theo kế hoạch đề ra - Hoàn thành chạy thử, bàn giao NM đưa vào sử dụng. - Đạt được doanh thu dự kiến trong năm 2019.
2	EPC dự án Nhà máy Khai thác và Chế biến Muối mỏ tại CHDCND Lào	- Đã gửi đơn khởi kiện cho Trọng tài quốc tế theo quy định trong Hợp đồng	- Hoàn thành tranh tụng; - Quyết toán và thanh lý HĐ
3	Dự án EPC Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2	- Đang thực hiện trách nhiệm của Nhà thầu về các tổn động của hạng mục 21.5, 21.6	- Hoàn thành xử lý tổn động của các hạng mục. - Quyết toán Hợp đồng.
4	Dự án NMSX Bột giặt công suất 50.000 tấn/năm tại Cuba của CT Thương mại & Đầu tư Thái Bình	- Đã ký Hợp đồng	- Hoàn thành thiết kế, dự kiến tháng 5/2019

TT	Dự án	Tình trạng	Các công việc cần đạt
5	Thăm tra Thiết kế cơ sở dự án Long Sơn	- HĐ ký tháng 12/2018	- Dự kiến hoàn thành tháng 9/ 2019
6	Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ thăm tra và xin cấp phép xây dựng dự án Long Sơn - Technip	- Hợp đồng ký tháng 1/2019	- Dự kiến hoàn thành tháng 12/2019
7	Tư vấn lập hồ sơ thiết kế cơ sở và Biên tập xuất bản Báo cáo nghiên cứu khả thi; Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi tiết thuộc dự án Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu III tại Vĩnh Long	- Đã ký kết Hợp đồng ngày 05/12/2018	- Bắt đầu triển khai thiết kế từ tháng 2/2019 theo tiến độ cấp tài liệu đầu vào của CĐT - Hoàn thành toàn bộ thiết kế cơ sở và TKBVTC tháng 5/2019
8	Thiết kế bản vẽ thi công cho dây chuyền Trạm xử lý nước thải công suất 7.000 m3/ngày đêm cho Nhà máy sản xuất Soda Chu Lai	- Đã gửi Hồ sơ thiết kế cho CĐT	- Hoàn thành thiết kế tháng 4/2019 - Thanh toán theo mốc số 2 của Hợp đồng
9	Lập HSTKKT dự án NMSX Axit Photphoric trích ly CS 100.000 T/N của CTCP Hóa chất Đức Giang	- HĐ ký ngày 30/8/2018 - Hoàn thành thiết kế, nộp sản phẩm cho CĐT.	- Quyết toán và thanh lý Hợp đồng
10	TK BVTC Nhà máy khí công nghiệp công suất 40.000Nm3/h và máy hóa lỏng công suất 100 tấn/ngày tại KKT Dung Quất	- Hoàn thành và được phê duyệt toàn bộ thiết kế	- Tiếp tục xử lý giám sát tại văn phòng Công ty (nếu có) - Ký được PLHD các phần việc phát sinh - Quyết toán và thanh lý Hợp đồng
11	TK BVTC Nhà máy khí công nghiệp CS 15.000Nm3/h tại Kinh Môn, Hải Dương.	- Hoàn thành và được phê duyệt toàn bộ thiết kế	- Tiếp tục xử lý giám sát tại văn phòng Công ty (nếu có) - Ký HĐ giám sát thi công với CĐT - Quyết toán và thanh lý Hợp đồng
12	TK BVTC dây chuyền SX NPK công suất 150.000 T/N của LAFCHEMCO	Đang phối hợp với CĐT xử lý hồ sơ thanh quyết toán công trình của các nhà thầu thi công liên quan đến phần phát sinh trong GĐ thi công	- Quyết toán và thanh lý HĐ
10	Các HĐ Thăm tra thiết kế nhà máy SX phân NPK và NH3 của Đạm Phú Mỹ	- Đã hoàn thành các công việc vào ngày 31/7/2018, các phần việc tồn đọng sẽ được tách ra thành HĐ mới do CĐT chuyển đổi nguồn vốn	- Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

TT	Dự án	Tình trạng	Các công việc cần đạt
		thực hiện (kết với TCT)	
11	Thiết kế BVTC dự án Nhà máy Phân lân Văn Điển	CĐT chưa ký nghiệm thu HSTK giai đoạn 2 và 3	-

3. Kế hoạch Marketing và hợp tác phát triển

- Đẩy mạnh công tác khai thác thị trường, tham gia dự thầu, chào hàng, tiếp cận với các Chủ đầu tư để nhanh chóng thương thảo ký kết hợp đồng đối với các công trình dự kiến khai thác trong năm 2019;
- Tiếp tục cập nhật các cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;

4. Công tác quản trị và phát triển nguồn nhân lực

- Sắp xếp, tái cấu trúc, điều động nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tiếp tục thực hiện tuyển dụng năm 2019, trong đó tập trung bổ sung nhân lực đội ngũ kỹ sư xây dựng và kỹ sư kỹ thuật hóa học, kỹ sư điện, đo lường, tự động hóa.
- Tổng số lao động toàn Công ty dự kiến bình quân 2019: 160 người
- Tổ chức các lớp đào tạo nội bộ và thuê chuyên gia hướng dẫn sử dụng phần mềm bản quyền cho đội ngũ kỹ sư;
- Chú trọng phổ biến các văn bản quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn của Công ty.
- Tổ chức đào tạo Tiếng Anh và phổ biến các hướng dẫn thiết kế trong Công ty.

5. Công tác Kế toán Tài chính

- Làm việc với các ngân hàng về việc cấp Giới hạn tín dụng cho Công ty năm 2019;
- Cân đối đủ nguồn vốn phục vụ SXKD, và các khoản chi thường xuyên tại Công ty;
- Hoàn thiện các công việc có liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019;

6. Công tác Quản lý khoa học kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng

- Tiếp tục rà soát, cập nhật và xây dựng bổ sung văn bản HTQLTH và toàn bộ văn bản quản trị Công ty; đối với văn bản HTQLTH, tập trung nghiên cứu để đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và sự kiểm soát trong quá trình.
- Hoàn thiện Quy trình Thiết kế và kiểm soát thiết kế theo phương án đã thống nhất;
- Tổ chức đánh giá nội bộ HTQLTH lần 1 năm 2019 vào tháng 06/2019, lần 2 năm 2019 vào tháng 12/2019.
- Tổ chức Họp Xem xét của lãnh đạo về HTQLTH lần 2 năm 2018 vào tháng 02/2019, lần 1 năm 2019 vào tháng 07/2019 để đưa ra kết luận định kỳ cho việc cung cấp nguồn lực và cải tiến HTQLTH;
- Hoàn thành đáp ứng tổ chức và thực hiện chương trình Đánh giá giám sát định kỳ HTQLTH lần thứ 2 cho niên hạn chứng chỉ (2017-2020) do GICVN thực hiện trong tháng 9/2019.

7. Công tác Pháp chế, cổ đông, quản trị

7.1. Công tác pháp chế

- Duy trì và cập nhật kịp thời các văn bản pháp quy nhà nước và của địa phương liên quan đến mọi mặt tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Hoàn thành Hướng dẫn đánh giá chất lượng công tác cá nhân;
- Hoàn thành việc đánh giá, phân loại kỹ sư thiết kế;
- Hoàn thành việc xây dựng các bản mô tả công việc khối nghiệp vụ;
- Tư vấn các vấn đề pháp lý cho các dự án đang triển khai của Công ty;
- Hoàn thành việc bổ sung năng lực hoạt động “Tư vấn quản lý dự án” hạng 1 cho Công ty.
- Hoàn thành việc nộp hồ sơ xin cấp chứng chỉ năng lực hoạt động về dân dụng hạng 2 tại Sở Xây dựng HN;
- Hoàn thành thủ tục xin cấp chứng chỉ kỹ sư ASEAN cho các kỹ sư đủ điều kiện.
- Chủ trì thực hiện và tổ chức đấu tranh pháp lý cho các dự án Công ty đang triển khai.

7.2. Công tác cổ đông

- Công bố thông tin theo quy định;
- Tổ chức Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

7.3. Công tác quản lý thông tin

- Triển khai kế hoạch công nghệ thông tin năm 2019 trong đó có việc đầu tư nâng cấp giao diện và nội dung website;
- Kiểm tra việc sử dụng máy chủ của các đơn vị và đề xuất cải tiến việc dùng máy chủ trong thực hiện dự án tại trụ sở; trang bị 01 máy chủ dự phòng và tăng dung lượng ổ cứng lưu trữ;
- Tiếp tục trang bị thêm phần mềm bản quyền đáp ứng nhu cầu làm việc của Công ty: Dự kiến trang bị 02 bản quyền phần mềm Microsoft Office; Phần mềm Windows 10 Pro 10 licence cho khối sản xuất; 01 licence phần mềm Phân tích thiết kế kết cấu tổng hợp (SAP 2000 Advances V20 phiên bản Network; Phần mềm bảo vệ hệ thống và diệt virus cho máy chủ (06 máy chủ license 1 năm); và một số phần mềm khác theo yêu cầu của các bộ môn thiết kế.

Trên đây là Tổng hợp tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất xin báo cáo toàn thể hội nghị.



Nguyễn Công Thắng

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa XIII, nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung ngày 12/9/2016;

Căn cứ vào kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của CECO được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất như sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
2. Báo cáo tài chính được tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, được Ban Kiểm soát Công ty kiểm tra và được Hội đồng quản trị Công ty công bố trên website của Công ty bao gồm:
 - ✓ Báo cáo của Ban giám đốc;
 - ✓ Báo cáo của Kiểm toán viên;
 - ✓ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018;
 - ✓ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018;
 - ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - ✓ Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 03 năm 2018.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Chemical Industry Engineering Joint stock Company.

Tên viết tắt: CECO

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính: Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hiên Ngang	Chủ tịch (Đến ngày 31/03/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch (Từ ngày 01/04/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên (Đến ngày 31/03/2018)
Ông Đỗ Hiên Ngang	Ủy viên (Từ ngày 01/04/2018)
Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Thắng	Ủy viên (Từ nhiệm từ ngày 01/05/2018)

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Dịu	Trưởng ban (Đến ngày 30/04/2018)
Bà Trương Thanh Vân	Trưởng ban (Từ ngày 01/05/2018)
Ông Trần Thị Minh Trang	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thu	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc (Đến hết tháng 02/2018)
Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2018)
Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Công Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2019

Số: 151/2019/BCKT-BCTCR/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2018 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được lập ngày 07 tháng 03 năm 2019, từ trang số 6 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 17-02-389-R vào ngày 28 tháng 03 năm 2018 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.



Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2019

A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Ngọc Khánh, written in a cursive style.

Nguyễn Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		522.927.265.977	362.289.608.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	66.838.157.467	75.724.081.942
1. Tiền	111		48.814.833.993	25.724.081.942
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.023.323.474	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		284.080.418.022	118.959.233.307
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	64.296.188.861	82.426.929.199
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	62.338.306.231	22.469.336.983
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5.4	141.692.399.477	1.900.083.748
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.224.458.334	6.124.666.667
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	14.335.421.673	7.844.573.264
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(1.806.356.554)	(1.806.356.554)
IV. Hàng tồn kho	140		172.008.690.488	167.521.983.591
1. Hàng tồn kho	141	5.8	172.008.690.488	167.521.983.591
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	84.309.329
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	-	84.309.329
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		25.119.654.730	29.495.516.005
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	56.535.053
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	-	56.535.053
II. Tài sản cố định	220		3.215.778.953	5.143.329.419
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	2.561.778.857	3.991.135.991
- Nguyên giá	222		18.988.514.474	18.988.514.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.426.735.617)	(14.997.378.483)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	654.000.096	1.152.193.428
- Nguyên giá	228		4.416.750.000	4.416.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.762.749.904)	(3.264.556.572)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	21.766.500.000	24.109.288.241
1. Đầu tư vào công ty con	251		17.068.500.000	19.411.288.241
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.060.000.000	3.060.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		137.375.777	186.363.292
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	137.375.777	186.363.292
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		548.046.920.707	391.785.124.174

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		464.532.886.156	312.145.447.189
I. Nợ ngắn hạn	310		464.532.886.156	312.145.447.189
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	29.357.505.957	39.424.233.593
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	210.357.261.789	250.936.603.379
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	9.336.580.168	969.068.304
4. Phải trả người lao động	314		1.718.309.689	2.299.793.595
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	119.734.993.496	17.869.457.227
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	533.711.953	233.621.470
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	93.494.523.104	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	-	412.669.621
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		83.514.034.551	79.639.676.985
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	83.514.034.551	79.444.635.985
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.770.360.000	59.770.360.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.930.720.095	17.930.720.095
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.812.954.456	1.743.555.890
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		1.743.555.890	1.640.293.405
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.069.398.566	103.262.485
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	195.041.000
1. Nguồn kinh phí	431		-	195.041.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		548.046.920.707	391.785.124.174

Người lập biểu

Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2019

Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.23	364.428.119.153	77.950.644.791
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.23	47.915.116	30.545.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.23	364.380.204.037	77.920.099.291
4. Giá vốn hàng bán	11	5.24	339.977.911.560	68.429.770.063
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		24.402.292.477	9.490.329.228
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.25	3.253.897.967	4.239.712.932
7. Chi phí tài chính	22	5.25	1.566.089.944	273.503.808
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.322.172.906	15.833.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	21.339.462.872	14.179.971.476
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.750.637.628	(723.433.124)
11. Thu nhập khác	31	5.27	848.774.093	1.306.719.640
12. Chi phí khác	32	5.27	494.556.088	480.024.031
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		354.218.005	826.695.609
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.104.855.633	103.262.485
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	1.035.457.067	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.069.398.566	103.262.485

Người lập biểu

Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

Định Đức Bộ

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2019

Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.104.855.633	103.262.485
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.927.550.466	2.511.158.116
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(175.320.800)	210.420.808
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.050.511.501)	(3.769.344.887)
- Chi phí lãi vay	06		1.322.172.906	15.833.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.128.746.704	(928.670.478)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(174.839.181.480)	15.756.429.330
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.486.706.897)	(57.534.154.451)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		65.574.701.808	41.760.470.402
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		48.987.515	455.058.048
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.190.414.548)	(15.833.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(518.785.645)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.234.498.159	1.140.500.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.638.223.503)	(2.100.816.093)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(110.167.592.242)	(1.985.801.887)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(822.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	169.090.910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(9.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.120.000.000	5.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(331.274.856)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.071.991.425	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.595.153.238	4.059.603.754
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.787.144.663	(1.625.380.192)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		151.769.002.854	500.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(58.274.479.750)	(500.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.977.036.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		93.494.523.104	(5.977.036.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(8.885.924.475)	(9.588.218.079)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		75.724.081.942	85.312.300.021
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	66.838.157.467	75.724.081.942

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Ngọc Sơn

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 03 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 59.770.360.000 đồng. Cổ đông Sở hữu vốn trong Công ty tại ngày chốt danh sách 15/03/2018:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%
Công ty Cổ phần Việt Sáng Tạo	26.801	268.010.000	0,45%
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	1.924.657	19.246.570.000	32,20%
Các cổ đông khác	744.204	7.442.040.000	12,45%
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CHEMICAL INDUSTRY ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CECO

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Số lao động tại ngày 31/12/2018 là : 158 người (tại 01/01/2018 là 128 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và đăng ký thay đổi lần 15 ngày 13/03/2018 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); Tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Xử lý chất thải công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Lập đề án bảo vệ môi trường; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...)

Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường...

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Bảo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Góp vốn	Hoạt động chính	Vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	3.060.000.000	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	12.408.500.000	55,33%	55,33%
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học	1.600.000.000	100,00%	100,00%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Xây dựng công trình	3.060.000.000	36,40%	36,40%
Đầu tư khác				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh		1.638.000.000	1,14%	1,14%

Các Chi nhánh trực thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Địa chỉ: Số 37/76 - Trần Đình Xu - TP. Hồ Chí Minh

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do bộ tài chính ban hành và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng Cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ tối đa là 5 năm.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng khi giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá mua của Phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ văn phòng	03 - 08

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa phân bổ hết vào kết quả sản xuất kinh doanh và có thời gian phân bổ thông thường không quá 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc kế toán Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20 % trên thu nhập chịu thuế.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là: các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	787.993.847	746.036.866
Tiền gửi ngân hàng	48.026.840.146	24.978.045.076
Các khoản tương đương tiền	18.023.323.474	50.000.000.000
Tổng	66.838.157.467	75.724.081.942

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	64.296.188.861	82.426.929.199
<i>Các bên liên quan</i>		
- Công ty CP DAP số 2	37.406.795.821	37.557.285.732
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
- Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	-	28.800.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	-	16.500.000
<i>Bên khác</i>		
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	17.678.099.580
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	9.762.673.557	13.914.852.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	816.604.937	914.794.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	509.976.464
- Các khách hàng khác	12.419.552.244	7.916.059.121
Dài hạn	-	-
Tổng	64.296.188.861	82.426.929.199

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	62.338.306.231	22.469.336.983
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng AMECC	11.742.636.850	-
Công ty Cổ phần lắp máy & xây dựng Sài Gòn	7.953.287.146	-
Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế DK	7.447.127.325	-
Công ty TNHH cung ứng CAD	5.401.783.288	-
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	3.607.172.878	-
Công ty IMECO	2.732.723.140	-
Công ty TNHH YOKOGAWA Việt Nam	2.689.830.000	-
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	2.516.910.000	-
HAZEMAG & EPR GmbH	2.187.191.748	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn	-	13.912.006.500
Công ty TNHH KSB Việt Nam	-	2.417.489.540
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và xây dựng Mỏ	2.227.744.187	2.227.744.187
Các nhà cung cấp khác	13.831.899.669	3.912.096.756
Dài hạn	-	-
Tổng	62.338.306.231	22.469.336.983

5.4 PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (a)	327.845.118.868	19.221.769.801
Lợi nhuận ước tính (b) = (c) - (a)	17.825.352.684	1.049.040.159
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (c)	345.670.471.552	20.270.809.960
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng (d)	(203.978.072.075)	(18.370.726.212)
Nợ còn lại (a+b+d)	141.692.399.477	1.900.083.748

5.5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	3.224.458.334	6.124.666.667
<i>Bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất (Lãi suất 7,75% đến 8%/năm)	-	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam (Lãi suất 8%/năm)	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>Bên khác</i>		
Phải thu lãi cho vay	224.458.334	124.666.667
Tổng	3.224.458.334	6.124.666.667

5.6 PHẢI THU KHÁC

		31/12/2018 VND		01/01/2018 VND
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	14.335.421.673	-	7.844.573.264	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	763.681.667	-	763.681.667	-
- Tạm ứng cho nhân viên	11.648.174.666	-	6.571.732.360	-
- Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	33.202.068	-	93.405.448	-
- Phải thu bảo hiểm xã hội	19.213.109	-	54.270.395	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	-	-	-
- Phải thu tiền lương thanh toán hộ công ty con	-	-	12.037.500	-
- Phải thu khác	1.841.150.163	-	349.445.894	-
Dài hạn	-	-	56.535.053	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	56.535.053	-
Tổng	14.335.421.673	-	7.901.108.317	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.7 NỢ XẤU

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	1.806.356.554	-	1.806.356.554	-
<i>Trong đó:</i>				
Thời gian quá hạn			Trên 3 năm	
Công ty TNHH Hóa mỹ phẩm Hòa Hợp	-	-		1.140.277.000
Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai	-	-	-	200.000.000
Các khách hàng khác				466.079.554

5.8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	172.008.690.488	-	167.521.983.591	-
Tổng	172.008.690.488	-	167.521.983.591	-

5.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2018 VND	Số được khấu trừ VND	Số đã khấu trừ VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	84.309.329	16.522.865.095	16.607.174.424	-
Tổng	84.309.329	16.522.865.095	16.607.174.424	-

5.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	7.481.623.299	417.267.272	9.539.612.830	1.550.011.073	18.988.514.474
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Mua sắm mới	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	7.481.623.299	417.267.272	9.539.612.830	1.550.011.073	18.988.514.474
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	6.992.886.185	417.267.272	6.358.008.152	1.229.216.874	14.997.378.483
Tăng trong năm	49.022.556	-	1.205.518.560	174.816.018	1.429.357.134
Trích khấu hao	49.022.556	-	1.205.518.560	174.816.018	1.429.357.134
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	7.041.908.741	417.267.272	7.563.526.712	1.404.032.892	16.426.735.617
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	488.737.114	-	3.181.604.678	320.794.199	3.991.135.991
Tại ngày 31/12	439.714.558	-	1.976.086.118	145.978.181	2.561.778.857

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 31/12/2018: 9.953.739.737 đồng (tại 01/01/2018 là 9,9 tỷ đồng).

Nguyên giá và giá trị còn lại tại 31/12/2018 để cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt 7.300.302.221 đồng và 1.903.550.383 đồng.

5.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng
<u>Nguyên giá</u>		
Tại ngày 01/01	4.416.750.000	4.416.750.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	4.416.750.000	4.416.750.000
<u>Hao mòn lũy kế</u>		
Tại ngày 01/01	3.264.556.572	3.264.556.572
Tăng trong năm	498.193.332	498.193.332
Trích khấu hao	498.193.332	498.193.332
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	3.762.749.904	3.762.749.904
<u>Giá trị còn lại</u>		
Tại ngày 01/01	1.152.193.428	1.152.193.428
Tại ngày 31/12	654.000.096	654.000.096

Nguyên giá TSCĐ vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn giá trị sử dụng: 2.593.050.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

5.12 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Mẫu B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2018		01/01/2019	
	Số lượng cổ phiếu	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Dầu tư vào Công ty con						
Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	1.240.850	55,33%	55,33%	17.068.500.000	19.411.288.241	
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	306.000	51,00%	51,00%	3.060.000.000	3.060.000.000	
Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất Trung tâm Phát triển công nghệ CECO		100%	100%	-	2.342.788.241	
Dầu tư vào Công ty liên doanh liên kết						
Công ty CP Ceco Hà Nội	306.000	36,4%	36,4%	3.060.000.000	3.060.000.000	
Dầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa Chất Tây Ninh	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	1.638.000.000	
Tổng				21.766.500.000	24.109.288.241	

(*) Công ty không xác định giá trị hợp lý cho các khoản đầu tư do Công ty nhận đầu tư chưa niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Bảo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	583.913.764	38.680.330.443	30.488.273.292	8.775.970.915
Thuế xuất, nhập khẩu	-	201.691.425	201.691.425	-
Thuế TNDN	356.142.603	3.105.344.339	2.962.704.477	498.782.465
Thuế thu nhập cá nhân	29.011.937	222.506.915	189.692.064	61.826.788
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.254.891.032	1.254.891.032	-
Các loại thuế khác	-	220.097.137	220.097.137	-
Tổng	969.068.304	43.684.861.291	35.317.349.427	9.336.580.168

5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	119.734.993.496	17.869.457.227
Trích trước chi phí các công trình		
- Dự án Đạm Cà Mau	119.072.639.953	14.543.625.438
- Dự án DAP số 2	-	3.178.531.700
- Các dự án khác	581.092.209	16.999.999
Trích trước chi phí điện, nước, phí dịch vụ chuyên môn và chi phí lãi vay	81.261.334	130.300.090
Dài hạn	-	-
Tổng	119.734.993.496	17.869.457.227

5.18 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	533.711.953	233.621.470
Kinh phí công đoàn	6.803.849	39.890.003
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	12.022.920	140.915.561
Lãi vay phải trả ngân hàng	131.758.358	-
Dư có TK 141	100.954.400	-
Phải trả khác	282.172.426	52.815.906
Dài hạn	-	-
Tổng	533.711.953	233.621.470

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	93.494.523.104	93.494.523.104	151.769.002.854	58.274.479.750	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (1)	67.098.845.057	67.098.845.057	125.373.324.807	58.274.479.750	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	26.395.678.047	26.395.678.047	26.395.678.047	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng	93.494.523.104	93.494.523.104	151.769.002.854	58.274.479.750	-	-

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số : 01/2017/6401629/HĐTD ngày 08/12/2017, thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hạn mức sử dụng tối đa 300 tỷ đồng. Lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngân hàng cụ thể dao động từ 6% đến 8%/năm. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2018/CTD/VCBHN-CECO ngày 14/08/2018, Giới hạn cấp tín dụng 55 tỷ. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực và không muộn hơn ngày 30/08/2019. Lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngân hàng cụ thể dao động từ 5,9% đến 6,6%/năm. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh dự án EPC, tài trợ thương mại. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

5.20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	412.669.621	1.830.379	414.500.000	-
Tổng	412.669.621	1.830.379	414.500.000	-

5.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận 31/12/2018 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%	14.858.820.000
Công ty Cổ phần Việt Sáng Tạo	26.801	268.010.000	0,45%	268.010.000
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%	80.000.000
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	1.924.657	19.246.570.000	32,20%	19.246.570.000
Các cổ đông khác	744.204	7.442.040.000	12,45%	7.442.040.000
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%	59.770.360.000

b. Cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/CP)

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.977.036	5.977.036
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.977.036	5.977.036
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	59.770.360.000	59.770.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	5.977.036.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.930.720.095	17.930.720.095
Tổng	17.930.720.095	17.930.720.095

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

5.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

e. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2017	59.770.360.000	17.930.720.095	8.238.876.405	85.939.956.500
Tăng trong năm	-	-	103.262.485	103.262.485
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	103.262.485	103.262.485
Giảm trong năm	-	-	6.598.583.000	6.598.583.000
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	621.547.000	621.547.000
<i>Trả cổ tức</i>	-	-	5.977.036.000	5.977.036.000
Tại ngày 31/12/2017	59.770.360.000	17.930.720.095	1.743.555.890	79.444.635.985
Tại ngày 01/01/2018	59.770.360.000	17.930.720.095	1.743.555.890	79.444.635.985
Tăng trong năm	-	-	4.069.398.566	4.069.398.566
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	4.069.398.566	4.069.398.566
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	59.770.360.000	17.930.720.095	5.812.954.456	83.514.034.551

5.22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
<i>Ngoại tệ</i>		
USD	6.834	8.309
LAK	100	100
EUR	380	390

5.23 DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	334.124.576.663	59.239.966.858
Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế	27.855.815.220	15.780.104.301
Doanh thu khác	2.447.727.270	2.930.573.632
Tổng	364.428.119.153	77.950.644.791
Các khoản giảm trừ (<i>giảm giá hàng bán</i>)	47.915.116	30.545.500
Tổng	364.380.204.037	77.920.099.291

5.24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	304.549.814.053	56.948.185.087
Giá vốn hoạt động tư vấn thiết kế	32.550.605.942	10.829.802.681
Giá vốn hoạt động khác	2.877.491.565	651.782.295
Tổng	339.977.911.560	68.429.770.063

5.25 DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>		
Lãi tiền gửi và cho vay	2.683.311.501	3.052.585.813
Cổ tức được chia	367.200.000	550.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	203.386.466	636.327.119
Tổng	3.253.897.967	4.239.712.932
<i>Chi phí hoạt động tài chính</i>		
Chi phí lãi vay	1.322.172.906	15.833.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	47.250.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.507.928	210.420.808
Lỗ do rút vốn vào Công ty con	218.409.110	-
Tổng	1.566.089.944	273.503.808
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	1.687.808.023	3.966.209.124

5.26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.339.462.872	14.179.971.476
Chi phí nhân viên quản lý	9.009.374.367	3.271.252.170
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	199.923.592	525.051.007
Chi phí khấu hao TSCĐ	869.292.916	1.489.657.693
Thuế, phí, lệ phí	1.272.781.032	820.834.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.988.090.965	8.073.175.914
Tổng	21.339.462.872	14.179.971.476

5.27 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	165.959.074
Xử lý nợ phải trả	81.322.000	-
Thu từ cho thuê văn phòng	420.000.000	420.000.000
Thu nhập khác	347.452.093	720.760.566
Tổng	848.774.093	1.306.719.640
Chi phí khác		
Chi phí khác	494.556.088	480.024.031
Tổng	494.556.088	480.024.031
Lãi (lỗ) hoạt động khác	354.218.005	826.695.609

5.28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.104.855.633	103.262.485
<i>Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</i>	<i>5.104.855.633</i>	<i>103.262.485</i>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	439.629.702	89.507.503
Điều chỉnh giảm do thu nhập được miễn thuế	(367.200.000)	(192.769.988)
Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	5.177.285.335	-
Thuế suất áp dụng hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	1.035.457.067	-

5.29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	200.826.564.163	81.166.621.073
Chi phí nhân công	25.198.811.930	21.721.611.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.927.550.466	2.511.158.116
Chi phí phải trả đã trích	119.734.993.496	17.869.457.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.263.554.459	16.875.047.848
Tổng	387.951.474.514	140.143.895.990

6 CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	200.000.000	240.000.000
Ban kiểm soát	Thù lao	72.000.000	120.000.000
Ban Giám đốc	Tổng thu nhập	1.480.692.380	882.313.023

Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan	Tính chất giao dịch	12/31/2018	01/01/2018
		VND	VND
Công ty CP DAP số 2	Phải thu khách hàng	37.406.795.821	37.557.285.732
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Phải thu khách hàng	3.890.562.302	3.890.562.302
Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Phải thu khách hàng	-	28.800.000
	Người mua trả tiền trước	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Phải thu khách hàng	-	16.500.000
	Phải thu về cho vay	-	3.000.000.000
	Phải trả người bán	771.072.092	1.397.796.127
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	Người mua trả tiền trước	181.811.804.911	178.887.028.173
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Phải thu về cho vay	3.000.000.000	3.000.000.000
	Phải trả người bán	411.726.000	1.842.560.000
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Phải trả người bán	5.930.928.912	12.210.997.067
	Phải thu khác	1.586.590.000	
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Phải trả người bán	29.300.000	2.000.000
	Phải thu khách hàng	67.500.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)*Giao dịch với các Bên liên quan*

Giao dịch với bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Cung cấp dịch vụ	163.636.364	30.000.000
Công ty Cổ phần DAP số 2	Cung cấp dịch vụ	-	3.721.768.824
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cung cấp dịch vụ	449.991.818	445.000.000
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	Cung cấp dịch vụ	-	69.470.909
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.784.438.845	951.535.455
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cung cấp dịch vụ	-	42.965.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	-	340.909.091
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	1.203.013.045	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.375.818.182	-
Trung tâm phát triển công nghệ CECO	Cung cấp dịch vụ	92.936.307	-
<u>Giao dịch mua hàng</u>			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Sử dụng dịch vụ	589.090.909	-
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Sử dụng dịch vụ	8.249.924.130	9.877.510.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Sử dụng dịch vụ thi công, sửa chữa	687.008.506	150.598.219
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Mua hàng hóa	5.228.445.626	8.876.047.909
Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất	Sử dụng dịch vụ	-	6.421.207.278
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Sử dụng dịch vụ	71.408.182	128.365.484
<u>Giao dịch khác</u>			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Trả cổ tức	-	1.787.492.000
	Cho vay	-	1.500.000.000
	Thu hồi gốc vay	-	4.500.000.000
	Lãi cho vay	-	30.666.667
	Cổ tức được chia	-	306.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Thu hồi gốc vay	3.000.000.000	3.000.000.000
	Lãi cho vay	10.000.000	341.583.333
	Cổ tức được chia	367.200.000	244.800.000
	Thu khác	120.000.000	-
	Cho vay	-	4.100.000.000
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Thu hồi gốc vay	-	2.100.000.000
	Lãi cho vay	219.791.667	85.533.334
	Nhận tiền cổ tức	-	500.000.000
Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất	Nhận lại vốn góp	2.124.379.131	657.211.759
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Góp vốn thành lập	-	331.274.856

6.2 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

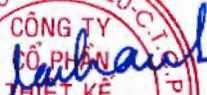
Giám đốc



Trần Ngọc Sơn



Đinh Đức Bộ



Nguyễn Công Thắng



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 03 năm 2018.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Chemical Industry Engineering Joint stock Company.

Tên viết tắt: CECO

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất:

Công ty	Ngành nghề	% Sở hữu (theo ĐKDN)	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa Chất	Xây dựng ngành hóa chất	51,00%	51,00%
Trung tâm phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100,00%	100,00%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hiền Ngang	Chủ tịch (Đến ngày 31/03/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch (Từ ngày 01/04/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên (Đến ngày 31/03/2018)
Ông Đỗ Hiền Ngang	Ủy viên (Từ ngày 01/04/2018)
Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Thắng	Ủy viên (Từ nhiệm từ ngày 01/05/2018)

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Dịu	Trưởng ban (Đến ngày 30/04/2018)
Bà Trương Thanh Vân	Trưởng ban (Từ ngày 01/05/2018)
Ông Trần Thị Minh Trang	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thu	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc (Đến hết tháng 02/2018)
Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2018)
Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Công Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Số: 281/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 17-02-389-HN vào ngày 28 tháng 03 năm 2018 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		562.580.512.647	418.554.972.341
I- Tiền	110	5.1	72.162.473.810	82.137.132.695
1. Tiền	111		54.139.150.336	32.137.132.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.023.323.474	50.000.000.000
III- Các khoản phải thu	130		301.567.051.038	158.995.376.720
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	83.419.765.964	126.426.744.098
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	62.769.463.416	22.926.124.137
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134	5.4	141.692.399.477	1.900.083.748
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	15.491.778.735	9.548.781.291
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.806.356.554)	(1.806.356.554)
IV- Hàng tồn kho	140		188.792.033.050	177.288.174.975
1. Hàng tồn kho	141	5.7	188.911.489.199	177.407.631.124
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.7	(119.456.149)	(119.456.149)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		58.954.749	134.287.951
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.8	56.254.749	134.287.951
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.8	2.700.000	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+230+240+250+260)	200		26.317.328.528	28.843.492.687
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		52.842.865	56.535.053
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	52.842.865	56.535.053
II- Tài sản cố định	220		18.189.082.422	20.222.900.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	16.069.020.575	17.564.202.638
- Nguyên giá	222		43.642.943.790	41.874.855.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.573.923.215)	(24.310.652.933)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	2.120.061.847	2.658.698.263
- Nguyên giá	228		6.074.916.400	6.074.916.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.954.854.553)	(3.416.218.137)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240		2.015.171.232	2.388.459.873
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	2.015.171.232	2.388.459.873
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	4.831.869.296	4.819.767.482
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.193.869.296	3.181.767.482
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		1.228.362.713	1.355.829.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	1.228.362.713	1.355.829.378
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		588.897.841.175	447.398.465.028

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		489.655.977.663	352.341.000.559
I- Nợ ngắn hạn	310		489.598.217.663	352.109.900.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	33.107.393.440	47.205.295.610
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	213.144.482.439	251.794.159.804
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.16	10.398.996.972	3.313.654.739
4. Phải trả người lao động	314		2.355.892.988	3.615.715.752
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	119.830.283.907	20.110.100.601
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	673.828.870	823.702.841
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	109.831.694.360	24.666.545.337
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		255.644.687	580.725.875
II- Nợ dài hạn	330		57.760.000	231.100.000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	57.760.000	231.100.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		99.241.863.512	95.057.464.469
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	99.026.833.512	94.862.423.469
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ phiếu phổ thông biểu quyết	411a		59.770.360.000	59.770.360.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.536.882.376	18.526.140.287
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.720.352.601	2.456.636.174
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.393.035.934	2.934.423.996
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.327.316.666	(477.787.822)
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.21	13.999.238.535	14.109.287.008
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.20	215.030.000	195.041.000
1. Nguồn kinh phí	431		215.030.000	195.041.000
TỔNG NGUỒN VỐN (450 = 300+400)	440		588.897.841.175	447.398.465.028

Người lập

Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019
 Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

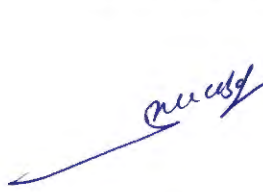
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.23	404.037.368.604	130.848.779.559
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.23	47.915.116	30.545.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.23	403.989.453.488	130.818.234.059
4. Giá vốn hàng bán	11	5.24	372.935.114.377	110.968.508.724
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		31.054.339.111	19.849.725.335
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.25	2.668.223.791	3.240.466.760
7. Chi phí tài chính	22	5.25	2.226.506.849	1.663.464.479
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.166.508.892</i>	<i>1.392.100.603</i>
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên danh liên kết	24		12.101.814	88.856.485
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	25.550.937.786	21.841.587.399
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		5.957.220.081	(326.003.298)
12. Thu nhập khác	31	5.27	925.960.771	1.307.719.565
13. Chi phí khác	32	5.27	875.213.802	551.925.886
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		50.746.969	755.793.679
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.007.967.050	429.790.381
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	1.387.113.574	317.966.533
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.620.853.476	111.823.848
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.327.316.666	(477.787.822)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		293.536.810	589.611.670
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	724	(80)

Người lập



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019
 Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		6.007.967.050	429.790.381
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.310.516.930	5.362.514.862
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(175.320.800)	(425.906.311)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.513.793.012)	(2.858.834.200)
- Chi phí lãi vay	06		2.166.508.892	1.392.100.603
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		9.795.879.060	3.899.665.335
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(153.171.017.705)	(31.247.770.838)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.503.858.075)	(66.916.662.559)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		60.206.888.618	76.532.027.910
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		127.466.665	1.366.870.694
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.166.508.892)	(1.482.408.365)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(391.585.937)	(996.908.371)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.890.184.626	1.140.500.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.094.633.835)	(2.108.216.093)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</i>	20		(97.307.185.475)	(19.812.902.287)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.151.812.325)	(4.477.441.140)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		259.545.455	343.554.009
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.071.991.425	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		2.513.793.012	2.604.018.641
Giảm do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết			-	(282.128.055)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		2.693.517.567	(6.011.996.545)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		182.960.238.457	51.510.748.845
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(97.968.429.434)	(26.813.628.302)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(352.800.000)	(6.506.236.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		84.639.009.023	18.190.884.543
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		(9.974.658.885)	(7.634.014.289)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		82.137.132.695	89.771.146.984
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	5.1	72.162.473.810	82.137.132.695

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Ngọc Sơn

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 03 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 là 59.770.360.000 đồng. Sở hữu vốn trong Công ty tại 31/12/2018:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ
		VND	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%
Công ty Cổ phần Việt Sáng Tạo	26.801	268.010.000	0,45%
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	1.924.657	19.246.570.000	32,20%
Các cổ đông khác	744.204	7.442.040.000	12,45%
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 21 Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Số lao động tại ngày 31/12/2018 của Công ty mẹ là : 158 người (tại 01/01/2018 là 128 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và đăng ký thay đổi lần 15 ngày 13/03/2018 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); Tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Xử lý chất thải công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Lập đề án bảo vệ môi trường; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...)

Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con, Công ty liên kết như sau:

Công ty	Ngành nghề	% Sở hữu (theo ĐKKD)	Quyền biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa Chất	Xây dựng ngành hóa chất	51,00%	51,00%
Trung tâm phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100,00%	100,00%
Công ty liên kết, liên doanh			
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Xây lắp	36,43%	36,43%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính Hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng nhóm Công ty được loại bỏ khi Hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty CP Đầu tư & Phát triển Sơn Long theo hợp đồng số 02/HDCN-L18 ký ngày 18/12/2017 tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 24.000.000.000 đồng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

• Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng Cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ tối đa là 5 năm.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá mua Quyền sử dụng đất và Phần mềm máy tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ văn phòng	03 - 08

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa phân bổ hết vào kết quả sản xuất kinh doanh và có thời gian phân bổ thông thường không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp như sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20 % trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là: các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thiết kế, cung cấp thiết bị công nghiệp, xây dựng, tư vấn thiết kế và dịch vụ khác... hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và Lào. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo bộ phận kinh doanh và khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.691.523.555	3.149.848.166
Tiền gửi ngân hàng	51.447.626.781	28.987.284.529
Các khoản tương đương tiền	18.023.323.474	50.000.000.000
Tổng	72.162.473.810	82.137.132.695

5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	83.419.765.964	126.426.744.098
Các bên liên quan		
- Công ty CP DAP số 2	37.533.684.321	37.604.285.732
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
- Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	47.250.000	92.934.000
Bên khác		
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	17.678.099.580
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	9.762.673.557	13.914.852.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	6.195.747.847	26.822.554.816
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.741.850.897	7.204.091.085
- Công ty Cổ phần Cơ khí Thái Bảo Long	3.915.102.429	4.515.102.429
- Các khách hàng khác	20.332.894.611	14.704.262.154
Dài hạn	-	-
Tổng	83.419.765.964	126.426.744.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	62.769.463.416	22.926.124.137
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng AMECC	11.742.636.850	-
Công ty Cổ phần lắp máy & xây dựng Sài Gòn	7.953.287.146	-
Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế DK	7.447.127.325	-
Công ty TNHH cung ứng CAD	5.401.783.288	-
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	3.607.172.878	-
Công ty IMECO	2.732.723.140	-
Công ty TNHH YOKOGAWA Việt Nam	2.689.830.000	-
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	2.516.910.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn	-	13.912.006.500
Công ty TNHH KSB Việt Nam	-	2.417.489.540
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và xây dựng Mỏ	2.227.744.187	2.227.744.187
Trả trước các đối tượng khác	16.450.248.602	4.368.883.910
Dài hạn	-	-
Tổng	62.769.463.416	22.926.124.137

5.4 PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (a)	327.845.118.868	19.221.769.801
Lợi nhuận ước tính (b) = (c) - (a)	17.825.352.684	1.049.040.159
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (c)	345.670.471.552	20.270.809.960
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của	(203.978.072.075)	(18.370.726.212)
Nợ còn lại (a+b+d)	141.692.399.477	1.900.083.748

5.5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	15.491.778.735	-	9.548.781.291	-
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	44.124.035	-	93.405.448	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	19.213.109	-	54.270.395	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	-	10.000.000	-
Tạm ứng	13.197.174.666	-	8.686.328.360	-
Phải thu khác	2.201.266.925	-	704.777.088	-
Dài hạn	52.842.865	-	56.535.053	-
- Ký cược, ký quỹ	52.842.865	-	56.535.053	-
Tổng	15.544.621.600	-	9.605.316.344	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.6 NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị		Giá trị	
	Giá gốc	có thể thu hồi	Giá gốc	có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	1.806.356.554	-	1.806.356.554	-
<i>Trong đó số đã dự phòng:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty TNHH Hóa mỹ phẩm Hòa Hợp				1.140.277.000
Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai				200.000.000
Khác				466.079.554
Tổng				1.806.356.554

5.7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.234.511.379	-	880.615.892	-
Công cụ, dụng cụ	130.030.175	-	89.003.573	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	187.518.886.403	(119.456.149)	176.409.950.417	(119.456.149)
Hàng hóa	28.061.242	-	28.061.242	-
Tổng	188.911.489.199	(119.456.149)	177.407.631.124	(119.456.149)

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án khai thác và Chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Dự án Muối Lào) (*)	156.799.554.207	147.302.164.055
Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	11.377.742.109	7.604.610.034
Các Dự án khác	19.341.590.087	21.503.176.328
Tổng	187.518.886.403	176.409.950.417

Theo thông báo số VLSC(H)/TTCL(H) - L0 4145 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào (VILACHEMSALT) - đại diện chủ đầu tư Dự án Muối Lào thực hiện theo yêu cầu tại văn bản số 1169/HCVN – ĐTXD ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, VILACHEMSALT thông báo tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào theo qui định của hợp đồng

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty đang tiếp tục làm việc với VILACHEMSALT để đàm phán về phương án tiếp tục hoặc chấm dứt hợp đồng tại 31/12/2018 số dư dở dang liên quan đến mỏ muối là 153.701.565.350 đồng, và VILACHEMSALT đã trả trước cho CECO số tiền 181.811.804.911 đồng.

5.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số được khấu trừ/ Phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	134.287.951	19.167.047.210	19.245.080.412	56.254.749
Thuế TNCN nộp thừa	-	2.700.000	-	2.700.000
Tổng	134.287.951	19.169.747.210	19.245.080.412	58.954.749

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.9 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và tài sản khác	Tổng
Tại ngày 01/01/2018	16.107.417.235	10.820.540.546	11.904.917.353	3.041.980.437	41.874.855.571
Tăng trong năm	352.177.263	1.409.975.956	675.000.000	50.135.000	2.487.288.219
Mua mới trong năm	-	1.319.000.000	675.000.000	50.135.000	2.044.135.000
XDCB hoàn thành	352.177.263	90.975.956	-	-	443.153.219
Giảm trong năm	-	-	719.200.000	-	719.200.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	719.200.000	-	719.200.000
Tại ngày 31/12/2018	16.459.594.498	12.230.516.502	11.860.717.353	3.092.115.437	43.642.943.790
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2018	9.721.463.409	5.363.749.271	7.873.296.084	1.352.144.169	24.310.652.933
Tăng trong năm	480.183.054	1.384.410.215	1.661.873.677	245.413.568	3.771.880.514
Khấu hao trong năm	480.183.054	1.384.410.215	1.661.873.677	245.413.568	3.771.880.514
Giảm trong năm	-	-	508.610.232	-	508.610.232
Thanh lý, nhượng bán	-	-	508.610.232	-	508.610.232
Tại ngày 31/12/2018	10.201.646.463	6.748.159.486	9.026.559.529	1.597.557.737	27.573.923.215
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018	6.385.953.826	5.456.791.275	4.031.621.269	1.689.836.268	17.564.202.638
Tại ngày 31/12/2018	6.257.948.035	5.482.357.016	2.834.157.824	1.494.557.700	16.069.020.575

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 12.018.739.737 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 31/12/2018 là 4.822.485.859 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng
Nguyên giá			
Số dư tại 01/01/2018	1.658.166.400	4.416.750.000	6.074.916.400
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	1.658.166.400	4.416.750.000	6.074.916.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại 01/01/2018	151.661.565	3.264.556.572	3.416.218.137
Tăng trong năm	40.443.084	498.193.332	538.636.416
Khấu hao trong năm	40.443.084	498.193.332	538.636.416
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	192.104.649	3.762.749.904	3.954.854.553
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2018	1.506.504.835	1.152.193.428	2.658.698.263
Tại 31/12/2018	1.466.061.751	654.000.096	2.120.061.847

5.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí xây dựng, lắp đặt và sửa chữa tài sản.	2.015.171.232	2.388.459.873
Tổng	2.015.171.232	2.388.459.873

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018 phản ánh giá trị máy móc chưa được lắp đặt xong

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.12 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ			31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết							
Công ty CP Ceko Hà Nội	306.000	36,4%	36,4%	3.193.869.296		3.181.767.482	
				3.193.869.296		3.181.767.482	
Đầu tư vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Công nghiệp	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000		1.638.000.000	
Hóa Chất Tây Ninh				1.638.000.000		1.638.000.000	
Tổng				4.831.869.296		4.819.767.482	

(*) Công ty không xác định giá trị hợp lý cho các khoản đầu tư do các Công ty nhận đầu tư chưa niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	1.228.362.713	1.355.829.378
Chi phí Công cụ, dụng cụ & khác chờ phân bổ	1.228.362.713	1.355.829.378
Tổng	1.228.362.713	1.355.829.378

5.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	33.107.393.440	33.107.393.440	47.205.295.610	47.205.295.610
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
Công ty CP CECO Hà Nội	5.930.928.912	5.930.928.912	12.210.997.067	12.210.997.067
Công ty CP DAP Số 2 - Vinachem	1.402.809.937	1.402.809.937	304.000.000	304.000.000
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nga Sơn	-	-	11.600.632.500	11.600.632.500
K-UTEC AG Salt Technologies	10.182.466.008	10.182.466.008	10.382.465.808	10.382.465.808
TSUBACO SINGAPORE PTE LTD	1.793.908.000	1.793.908.000	-	-
Các đối tượng khác	13.797.280.583	13.797.280.583	12.707.200.235	12.707.200.235
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	33.107.393.440	33.107.393.440	47.205.295.610	47.205.295.610

5.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	213.144.482.439	251.794.159.804
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	181.811.804.911	178.887.028.173
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	25.266.521.017	65.272.983.064
Các khách hàng khác	6.066.156.511	7.634.148.567
Dài hạn	-	-
Tổng	213.144.482.439	251.794.159.804

5.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số phát giảm trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế GTGT	2.565.680.735	39.574.506.677	32.709.453.573	9.430.733.839
Thuế xuất, nhập khẩu	-	215.737.675	215.737.675	-
Thuế TNDN	674.109.136	3.457.000.846	3.354.290.414	776.819.568
Thuế TNCN	59.251.921	356.008.348	304.445.808	110.814.461
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.256.891.032	1.256.891.032	-
Các loại thuế khác	14.612.947	333.185.061	267.168.904	80.629.104
Tổng	3.313.654.739	45.193.329.639	38.107.987.406	10.398.996.972

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	119.830.283.907	20.110.100.601
- Dự án Đạm Cà Mau	119.072.639.953	14.543.625.438
- Dự án DAP Số 2		3.178.531.700
- Các Dự án khác	581.092.209	1.601.300.256
Trích trước chi phí điện, nước, phí dịch vụ chuyên môn và chi phí lãi vay	176.551.745	786.643.207
Dài hạn	-	-
Tổng	119.830.283.907	20.110.100.601

5.18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	673.828.870	823.702.841
Kinh phí công đoàn	14.277.937	203.592.827
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	126.971.220	505.250.285
Lãi vay phải trả ngân hàng	131.758.358	-
Bảo hiểm thất nghiệp	7.663.220	10.302.635
Dư có TK 141	100.954.400	-
Phải trả khác	292.203.735	104.557.094
Dài hạn	-	-
Tổng	673.828.870	823.702.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	109.658.354.360	109.658.354.360	182.960.238.457	97.795.089.434	24.493.205.337	24.493.205.337
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (1)	67.098.845.057	67.098.845.057	125.373.324.807	58.274.479.750	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	26.395.678.047	26.395.678.047	26.395.678.047	-	-	-
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Nai (3)	9.997.780.168	9.997.780.168	26.225.184.515	24.225.398.934	7.997.994.587	7.997.994.587
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm (4)	3.126.051.088	3.126.051.088	3.126.051.088	8.012.390.750	8.012.390.750	8.012.390.750
Vay cá nhân (5)	3.040.000.000	3.040.000.000	1.840.000.000	7.282.820.000	8.482.820.000	8.482.820.000
Vay dài hạn đến hạn trả	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000
Vay dài hạn	57.760.000	57.760.000	-	173.340.000	231.100.000	231.100.000
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm (6)	57.760.000	57.760.000	-	173.340.000	231.100.000	231.100.000
Tổng	109.889.454.360	109.889.454.360	183.133.578.457	98.141.769.434	24.897.645.337	24.897.645.337

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số : 01/2017/6401629/HDTĐ ngày 08/12/2017, thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hạn mức sử dụng tối đa 300 tỷ đồng. Lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể dao động từ 6% đến 8%/năm. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2018/CTD/VCBHN-CECO ngày 14/08/2018, Giới hạn cấp tín dụng 55 tỷ. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực và không muộn hơn ngày 30/08/2019. Lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể dao động từ 5,9% đến 6,6%/năm. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh dự án EPC, tài trợ thương mại. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(3) Vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20170284/HDTĐ/KHBL ngày 05 tháng 04 năm 2017; Hạn mức cho vay: tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá 8.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn cho vay: của mỗi khoản nợ tối đa 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân và được ghi trên từng Giấy Nhận nợ; Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ, áp dụng đối với nhu cầu vay vốn phục vụ kinh doanh của DN nhỏ và vừa theo nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay; Bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo được quy định trong hợp đồng bảo đảm số 201701227/HĐBĐ/KHBL ngày 05 tháng 04 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20180194/HĐTD/KHBL ngày 03 tháng 04 năm 2018; Hạn mức cho vay: tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá 10.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn cho vay: của mỗi khoản nợ tối đa 8 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân và được ghi trên từng Giấy Nhận nợ; Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ, áp dụng đối với nhu cầu vay vốn phục vụ kinh doanh của DN nhỏ và vừa theo nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay; Bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo được quy định trong Hợp đồng bảo đảm số 20170127/HĐBD/KHBL ngày 05 tháng 04 năm 2017.

(4) Hợp đồng vay số 17798.18.057.2614259.TD ngày 29/05/2018 giữa Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Công nghiệp hóa chất và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Trong đó tổng hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán tối đa tại mọi thời điểm là 10.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 25/05/2019. Lãi suất theo từng lần nhận kế ước. Khoản vay được đảm bảo bởi bất động sản thuộc quyền sở hữu cá nhân của Giám đốc công ty.

(5) Hợp đồng vay cá nhân với lãi suất từ 0 % - 9%/ năm

(6) Hợp đồng vay số 101052.17.057.2614259.TD ngày 25/04/2017 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Số tiền vay: 520.000.000 đồng. Mục đích vay: tài trợ khách hàng mua 1 xe theo hợp đồng mua bán xe ô tô số NH0307/2017/HĐMB – MDGP ngày 13/04/2017 giữa Công ty cổ phần xây dựng và vật tư thiết bị và Khách hàng. Thời hạn cho vay 48 tháng lãi suất 9,1%/ Năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Nguồn kinh phí
Số dư tại 01/01/2017	59.770.360.000	18.457.690.767	9.585.172.303	17.072.104.992	532.533.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	(477.787.822)	589.611.670	-
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	1.140.500.000
Sử dụng nguồn kinh phí được cấp	-	-	-	-	(1.477.992.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	85.295.945	(85.295.945)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(662.098.388)	(38.961.137)	-
Cổ tức	-	-	(5.977.036.000)	(529.200.000)	-
Biến động do ảnh hưởng công ty con thành công ty liên kết	-	(16.846.425)	3.682.026	(2.984.268.517)	-
Biến động khác	-	-	70.000.000	-	-
Số dư tại 31/12/2017	59.770.360.000	18.526.140.287	2.456.636.174	14.109.287.008	195.041.000
Số dư tại 01/01/2018	59.770.360.000	18.526.140.287	2.456.636.174	14.109.287.008	195.041.000
Tăng trong năm	-	10.742.089	4.327.316.666	-	619.920.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.327.316.666	-	-
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	619.920.000
Tăng trong năm	-	10.742.089	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	63.600.240	110.048.473	599.931.000
Sử dụng nguồn kinh phí được cấp	-	-	-	-	599.931.000
Trích lập quỹ	-	-	63.600.240	-	-
Giảm khác	-	-	-	110.048.473	-
Số dư tại 31/12/2018	59.770.360.000	18.536.882.376	6.720.352.601	13.999.238.535	215.030.000

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận 31/12/2018 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%	14.858.820.000
Công ty Cổ phần Việt Sáng Tạo	26.801	268.010.000	0,45%	268.010.000
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%	80.000.000
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	1.924.657	19.246.570.000	32,20%	19.246.570.000
Các cổ đông khác	744.204	7.442.040.000	12,45%	7.442.040.000
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%	59.770.360.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	59.770.360.000	59.770.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.724.430.333

d) Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.977.036	5.977.036
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.977.036	5.977.036
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.536.882.376	18.526.140.287
Tổng	18.536.882.376	18.526.140.287

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.21 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của Cổ đông không kiểm soát	12.956.500.000	12.956.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	501.472.020	450.686.738
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	541.266.515	702.100.270
Tổng	13.999.238.535	14.109.287.008

5.22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ (USD)	6.834	8.572
Ngoại tệ (LAK)	100	100
Ngoại tệ (EUR)	380	390

5.23 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	370.243.867.056	109.709.088.412
Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế	30.331.977.478	15.898.286.119
Doanh thu Bán hàng	-	2.930.573.632
Doanh thu khác	3.461.524.070	2.310.831.396
Tổng	404.037.368.604	130.848.779.559
Các khoản giảm trừ doanh thu (<i>chiếu khấu bán hàng</i>)	47.915.116	30.545.500
Doanh thu thuần	403.989.453.488	130.818.234.059

5.24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	334.731.655.455	97.511.045.639
Giá vốn hoạt động tư vấn thiết kế	35.325.967.357	10.903.893.590
Giá vốn bán hàng	-	651.782.295
Giá vốn hoạt động khác	2.877.491.565	1.901.787.200
Tổng	372.935.114.377	110.968.508.724

5.25 DOANH THU / CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.464.837.325	2.604.018.641
Cổ tức được chia	-	636.327.119
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	203.386.466	121.000
Tổng	2.668.223.791	3.240.466.760
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	2.166.508.892	1.392.100.603
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.856.831	48.522.246
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	25.507.928	210.420.808
Chi phí tài chính khác	1.633.198	12.420.822
Tổng	2.226.506.849	1.663.464.479
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	441.716.942	1.577.002.281

5.26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.863.067.703	4.740.513.015
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	356.864.789	857.507.126
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.147.151.303	2.176.934.288
Thuế, phí, lệ phí	1.282.235.214	834.973.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi bằng tiền khác	11.901.618.777	13.231.659.551
Tổng	25.550.937.786	21.841.587.399

5.27 THU NHẬP KHÁC / CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý tài sản cố định	48.955.687	165.959.074
Xử lý nợ phải trả	81.322.000	-
Thu nhập cho thuê văn phòng	298.406.229	
Các khoản khác	497.276.855	1.141.760.491
Tổng	925.960.771	1.307.719.565
Chi phí khác		
Các khoản phạt và lãi chậm nộp	273.232.116	-
Chi phí khác	601.981.686	551.925.886
Tổng	875.213.802	551.925.886
Lãi (lỗ) hoạt động khác	50.746.969	755.793.679

5.28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.007.967.050	429.790.381
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận chịu thuế TNDN	927.600.820	1.160.042.284
- Các khoản điều chỉnh tăng	927.600.820	1.160.042.284
Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	6.935.567.870	1.589.832.665
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	1.387.113.574	317.966.533

5.29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.327.316.666	(477.787.822)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.327.316.666	(477.787.822)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	5.977.036	5.977.036
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	724	(80)

5.30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.382.747.509	122.537.680.338
Chi phí nhân công	36.786.129.963	42.046.735.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.311.639.657	5.362.514.862
Chi phí phải trả đã trích	119.734.993.496	17.869.457.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.771.716.762	6.967.183.048
Chi phí khác bằng tiền	2.764.408.527	5.046.680.037
Tổng	436.751.635.914	199.830.251.327

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	200.000.000	240.000.000
Ban kiểm soát	Thù lao	72.000.000	120.000.000
Ban Giám đốc	Tổng thu nhập	1.480.692.380	882.313.023

6.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>			
Công ty Cổ phần DAP số 2	Cung cấp dịch vụ	246.454.091	3.721.768.824
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cung cấp dịch vụ	449.991.818	445.000.000
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	Cung cấp dịch vụ	-	69.470.909
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.784.438.845	951.535.455
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cung cấp dịch vụ	-	42.965.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	656.576.000	340.909.091
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	1.203.013.045	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.375.818.182	-
<u>Giao dịch mua hàng</u>			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Sử dụng dịch vụ	589.090.909	-
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Sử dụng dịch vụ	8.249.924.130	9.877.510.000
<u>Giao dịch khác</u>			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Trả cổ tức	-	1.787.492.000

Số dư các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	Phải thu khách hàng	37.533.684.321	37.557.285.732
	Phải trả người bán	1.402.809.937	304.000.000
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Phải thu khách hàng	3.890.562.302	3.890.562.302
Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Phải thu khách hàng	47.250.000	28.800.000
	Người mua trả tiền trước	-	-
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	Người mua trả tiền trước	181.811.804.911	178.887.028.173
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Phải trả người bán	5.930.928.912	12.210.997.067
	Phải thu khác	1.586.590.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận

a)Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; và
- Các hoạt động khác

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận theo từng đơn vị tại 31/12/2018 như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ
31/12/2018			Hợp nhất
Tài sản của bộ phận	309.643.058.425	25.457.660.154	(22.244.891.998)
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.193.869.296	-	-
Tài sản không phân bổ			272.848.145.298
Tổng tài sản			588.897.841.175
Nợ phải trả của bộ phận			242.557.417.210
Nợ phải trả không phân bổ	242.033.114.318	5.700.694.890	(5.176.391.998)
Tổng nợ phải trả			489.655.977.663
Năm kết thúc ngày 31/12/2018			
Chỉ tiêu vốn			2.151.812.325
Khấu hao tài sản cố định hữu hình			3.771.880.514
Khấu hao tài sản cố định vô hình			538.636.416

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 như sau

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ	Hợp nhất
Năm kết thúc ngày 31/12/2018				
Tổng doanh thu của bộ phận	376.479.793.916	33.793.501.548	(6.283.841.975)	403.989.453.489
Kết quả kinh doanh của bộ phận	35.512.211.601	(4.409.957.374)	(47.915.116)	31.054.339.111
Chi phí không phân bổ				(25.109.220.844)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh				5.945.118.267
Thu nhập khác				925.960.771
Chi phí khác				(875.213.802)
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết				12.101.814
thuế thu nhập doanh nghiệp				(1.387.113.574)
Lợi nhuận thuần sau thuế				4.620.853.476

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận theo từng đơn vị tại 31/12/2017 như sau:

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ	Hợp nhất
1/1/2018				
Tài sản của bộ phận	308.417.910.287	18.419.677.717	(29.144.299.373)	297.693.288.631
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.181.767.482	-	-	3.181.767.482
Tài sản không phân bổ				146.523.408.915
Tổng tài sản				447.398.465.028
Nợ phải trả của bộ phận				292.403.532.927
Nợ phải trả không phân bổ			(9.854.778.614)	59.937.467.632
Tổng nợ phải trả	299.265.028.064	2.993.283.477		352.341.000.559
Năm kết thúc ngày 31/12/2017				
Chỉ tiêu vốn				4.477.441.140
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				4.524.272.729
Khấu hao tài sản cố định vô hình				838.242.133

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ	Hợp nhất
Năm kết thúc ngày 31/12/2017				
Tổng doanh thu của bộ phận	151.028.147.937	5.210.859.528	(25.420.773.406)	130.818.234.059
Kết quả kinh doanh của bộ phận	17.222.435.302	2.657.290.033	(30.000.000)	19.849.725.335
Chi phí không phân bổ				(20.264.585.118)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh				(414.859.783)
Thu nhập khác				1.307.719.565
Chi phí khác				(551.925.886)
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết				88.856.485
thuế thu nhập doanh nghiệp				(317.966.533)
Lợi nhuận thuần sau thuế				111.823.848

b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Việt Nam		Nước Cộng hòa DCND Lào		Hợp nhất	
	Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31/12/2018	31/12/2017	Tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018	31/12/2017	Tại ngày cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017	31/12/2017
Doanh thu của bộ phận	403.989.453.488	130.818.234.059			403.989.453.488	130.818.234.059
Tài sản của bộ phận	357.784.000.833	179.458.335.304	156.799.554.207	147.302.164.055	514.583.555.040	326.760.499.359
Tài sản không phân bổ					74.314.286.135	120.637.965.669
Chi tiêu vốn					2.151.812.325	4.477.441.140

6.4 Thông tin so sánh

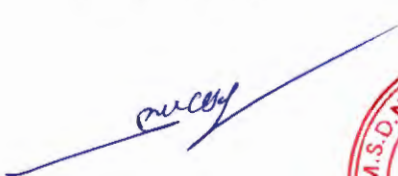
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Nguyễn Công Thắng



Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2018
và Kế hoạch lợi nhuận năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa XIII, nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung ngày 12/9/2016;

Căn cứ vào kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của CECO được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến năm 2019;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và Kế hoạch lợi nhuận năm 2019, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017		Dự kiến năm 2018	
		Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ		59.770.360.000		59.770.360.000
	Trong đó: Vốn góp của Tập đoàn	29,91%	17.877.314.676	29,91%	17.877.314.676
2	Tổng lợi nhuận phát sinh		103.262.485		5.104.855.633
3	Thuế TNDN phải nộp				
3.1	<i>Thuế TNDN phải nộp</i>	20%	0	20%	1.035.457.067
3.2	<i>Thuế TNDN được miễn, giảm</i>		0		0
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN		103.262.485		4.069.398.566
5	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang năm nay		1.640.293.405		1.743.555.890
6	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay chuyển sang năm sau		1.743.555.890		5.812.954.456
7	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối năm nay (7=4+5-6)		0		0
7.1	Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		0		0
7.2	Trích Quỹ đầu tư phát triển	0%	0	0%	0
7.3	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	0%	0	0%	0
7.4	Trích quỹ thưởng người quản lý công ty		0		0

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017		Dự kiến năm 2018	
		Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)
7.5	Chia cổ tức	0%	0	0%	0
a	- Cổ tức trả bằng tiền mặt		0		0
	- Cổ tức trả bằng cổ phiếu		0		0
b	Trong đó: Cổ tức của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		0		0
	- Cổ tức trả bằng tiền mặt		0		0
	- Cổ tức trả bằng cổ phiếu		0		0
7.6	Phân phối khác (Quỹ thưởng HĐQT)		0		0

Giải trình: Năm 2018 Công ty không hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra, doanh thu và lợi nhuận tăng so với năm 2017 nhưng đạt mức thấp. Vì vậy, không đủ nguồn cổ tức để chia cho cổ đông. Hội đồng quản trị đề xuất phương án chuyển lợi nhuận sang năm sau phân phối.

2. Kế hoạch lợi nhuận năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 8,5 tỷ đồng.
- Chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông: 10%.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua phương án thù lao
của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung ngày 12/9/2016;

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh tại CECO năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất dự kiến phương án chi thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019 như sau:

1. Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty được chi căn cứ theo các buổi họp do Hội đồng quản trị triệu tập thay vì mức chi quy định theo tháng như trước đây.

2. Mức chi thù lao dự kiến năm 2019 như sau:

- Hội đồng quản trị: 1.000.000 đồng/1 thành viên/1 phiên họp.
- Ban kiểm soát: 500.000 đồng/1 thành viên/1 phiên họp.
- Thư ký Công ty: 500.000 đồng/1 thành viên/1 phiên họp.

3. Tổng mức thù lao dự kiến là 20.000.000 đồng, cụ thể (*):

- Hội đồng quản trị (3 người): 12.000.000 đồng.
- Ban kiểm soát (3 người): 6.000.000 đồng.
- Thư ký Công ty (1 người): 2.000.000 đồng.

**: Số liệu tạm tính dựa trên số buổi họp tối thiểu của Hội đồng quản trị là 4 phiên họp/năm theo quy định chung.*

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung ngày 12/9/2016;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị của ông Đỗ Hiên Ngang ngày 25/02/2019 và ông Đinh Đức Bộ ngày 25/3/2019;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị giữa nhiệm kỳ 2016-2021 như sau:

1. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.

Vì lý do cá nhân và để thuận tiện cho việc tái cấu trúc Hội đồng quản trị theo yêu cầu của cổ đông lớn, ông Đỗ Hiên Ngang và ông Đinh Đức Bộ đã có đơn xin từ nhiệm vị trí thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã thông qua Đơn xin từ nhiệm của ông Bộ và ông Ngang tại phiên họp III.17 ngày 08 tháng 4 năm 2019.

Để đảm bảo việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đúng quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất đối với ông Đỗ Hiên Ngang và ông Đinh Đức Bộ.

2. Phương án bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

Căn cứ Điều lệ Công ty và theo tình hình thực tế công việc, Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng: 01 người.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Mạnh Hùng



**CÔNG TY CP THIẾT KẾ CÔNG
NGHIỆP HÓA CHẤT**
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Kính gửi : - Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
- Đồng kính gửi HĐQT Công ty

Tôi là : Đinh Đức Bộ

Sinh ngày 20/07/1962

Chứng minh thư số : 034062000580 – Do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24/11/2014.

Tại đại hội cổ đông thường niên Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất năm 2016 tổ chức ngày 23/4/2017, tôi được Đại hội đồng cổ đông bầu là thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2016-2020).

Nay vì lý do cá nhân và yêu cầu của cổ đông lớn thay đổi số thành viên HĐQT Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật, nên tôi không thể đảm nhận vị trí thành viên HĐQT của Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

Vậy tôi làm đơn này xin từ nhiệm vị trí thành viên Hội đồng quản trị của Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, thời điểm từ nhiệm tại ngày đại hội đồng cổ đông năm 2019, ngày chính xác do Đại hội cổ đông quyết định.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty và Hội đồng quản trị CECO xem xét và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Trân trọng cảm ơn !

Người làm đơn

Đinh Đức Bộ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

ĐƠN TỪ NHIỆM
CHỨC DANH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Hội đồng Quản trị Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi bổ sung ngày 12/9/2016.

Tôi là: Đỗ Hiên Ngang. Sinh năm: 1964.

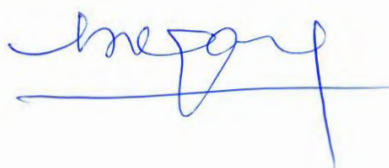
Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

Tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 tổ chức ngày 23/4/2016, tôi được bầu vào HĐQT Công ty nhiệm kỳ 5 2016-2021. Trong thời gian công tác tôi luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Để hợp lý hoá công việc cá nhân và thuận tiện cho việc tái cấu trúc Hội đồng quản trị theo yêu cầu của cổ đông lớn, tôi làm đơn này xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất từ ngày 01/4/2019.

Kính đề nghị Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ



Đỗ Hiên Ngang

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa XIII, nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung ngày 12/9/2016;

Hiện nay, một số quy định về quản trị đối với công ty đại chúng đã được cập nhật, sửa đổi. Nhằm mục đích điều chỉnh phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty và tích hợp một số thay đổi của luật pháp, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy cần phải sửa đổi Điều lệ Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất để hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định đã ban hành, đồng thời nâng cao công tác quản trị Công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông bản dự thảo nội dung sửa đổi Điều lệ của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (*dự thảo Điều lệ sửa đổi kèm theo và thuyết minh tóm tắt các nội dung sửa đổi trong Điều lệ mới*).

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án sửa đổi điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY THÁNG 4/2019

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
1	Phân mở đầu		
	Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2015, là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất.	Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2019, là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất.	Cập nhật lại ngày thông qua Điều lệ
2	Điều 1. Giải thích từ ngữ		
	f) "Cán bộ điều hành" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc Chi nhánh, Phó Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Trung tâm, Phó Giám đốc Trung tâm, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Trưởng và phó Văn phòng đại diện.	f) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.	Sửa đổi phù hợp với Quy định tại Điểm e mục I.1 Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
	g) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;	g) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;	Sửa đổi phù hợp với Quy định tại Điểm f mục I.1 Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
	Không quy định	Bổ sung: "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán	Tham chiếu Điều lệ mẫu
	Không quy định	Bổ sung: "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.	Tham chiếu Điều lệ mẫu
	Không quy định	Bổ sung: "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 6 Điều 2 Điều lệ này	Tham chiếu Điều lệ mẫu và bổ sung theo quy định tại Khoản 6, Điều 2 Điều lệ Công ty
3	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty		
	4. Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty	4. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty là những người đại diện theo pháp luật của Công ty	Thay đổi theo yêu cầu của cổ đông chi phối
4	Điều 13. Quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông		
	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau:		
	Không quy định	Bổ sung:	Bổ sung theo Điểm c Khoản 3 Điều 12

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
		c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều lệ mẫu
	5. Nghĩa vụ của cổ đông		
	Không quy định	Bổ sung điểm c: c) Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; - Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	Bổ sung theo quy định Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2014.
5	Điều 16. Triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông		
	3. Hội đồng quản trị triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:		
	c) Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm từ ba (03) thành viên trở lên và số thành viên Ban kiểm soát bị giảm một (01) thành viên trở lên.	c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
6	Điều 20. Biên bản họp, thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông		
	1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông tán thành.	Bỏ	Đưa xuống tỷ lệ 65% phù hợp quy định của Luật Doanh nghiệp 2014
	2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông tán thành:		
	Không quy định	Bổ sung: a) Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;	Bổ sung thêm tỷ trường hợp thông qua Điều lệ công ty
	4. Đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì áp dụng tỷ lệ biểu quyết thông qua như khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.	3. Đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì áp dụng tỷ lệ biểu quyết thông qua như khoản 1, khoản 2 Điều này	Chỉnh lại lại điều khoản cho phù hợp nội dung thay đổi
7	Điều 22. Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông		
	a) Trình tự và thủ tục triệu tập Hội nghị Đại hội đồng	a) Trình tự và thủ tục triệu tập Hội nghị Đại hội đồng	Dẫn chiếu lại điều khoản

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
	cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 6 Điều 20 Điều lệ này.	cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 20 Điều lệ này.	
8	Điều 23. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị		
	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên, bao gồm một chủ tịch và bốn thành viên. Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 người là thành viên không điều hành	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có ba (03) thành viên, bao gồm một chủ tịch và hai thành viên. Trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể cử 01 phó chủ tịch trong số 2 thành viên còn lại. Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 người là thành viên không điều hành.	Giảm bớt số lượng thành viên HĐQT theo đề xuất của cổ đông chi phối.
	5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị		
	a) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm từ 10% đến dưới 20% thì được quyền đề cử tối đa một (01) ứng cử viên; nếu chiếm từ 20% đến dưới 30% thì được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; nếu từ 30% đến dưới 50% thì được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; nếu từ 50% trở lên thì được quyền đề cử năm (05) ứng cử viên.	a) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm từ 10% đến dưới 30% thì được quyền đề cử tối đa một (01) ứng cử viên; nếu từ 30% đến dưới 50% thì được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; nếu từ 50% trở lên thì được quyền đề cử ba (03) ứng cử viên.	Điều chỉnh lại tỷ lệ được quyền giới thiệu ứng cử viên theo số lượng mới
9	Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		
	3. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:		
	f) Chỉ định và bãi nhiệm Thư ký Công ty, Ban kiểm toán nội bộ, Đại diện thương mại, Luật sư của Công ty	f) Chỉ định và bãi nhiệm Thư ký Công ty, Người công bố thông tin, Người phụ trách quản trị công ty, Ban kiểm toán nội bộ, Đại diện thương mại, Luật sư của Công ty	Bổ sung 02 đối tượng chỉ định thuộc quyền của HĐQT theo Điều lệ mẫu và quy định quản trị công ty đại chúng.
	i) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 5% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	i) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Điều chỉnh lại tỷ lệ giới hạn dưới
	Không quy định	Bổ sung thêm: r) Phân quyền và trách nhiệm cho từng người đại diện theo pháp luật.	Bổ sung mới
	6. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội	6. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại	Sửa lại câu chữ trong quy định, Chủ

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
	đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao của từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định hoặc được chia đều cho các thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chuyên trách, hưởng lương theo quy chế trả lương của Công ty và không hưởng thù lao của Hội đồng quản trị.	hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao của từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định hoặc được chia đều cho các thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đảm nhận chuyên trách, hưởng lương theo quy chế trả lương của Công ty, không hưởng thù lao của Hội đồng quản trị.	tịch HĐQT có thể đảm nhận vai trò chuyên trách và hưởng lương hoặc không.
10	Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị Không quy định	Bổ sung thêm: a) Là đồng đại diện theo pháp luật của công ty, chịu trách nhiệm thực hiện các công việc: - Đại diện Người sử dụng lao động ký hợp đồng lao động với Giám đốc Công ty; - Ký các hợp đồng mua bán, cầm cố thế chấp, tài sản, đầu tư, góp vốn của Công ty; cho thuê tài sản có thời hạn trên 01 năm; - Ký các hợp đồng kinh tế và các hợp đồng/thỏa thuận khác với bên thứ ba với giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên; - Ký các giấy tờ thanh lý, quyết toán và các văn bản khác liên quan đến các hợp đồng nêu tại các mục trên. - Ký tất cả các giấy tờ khác, đại diện cho công ty ngoài các nội dung thuộc quyền của Giám đốc Công ty.	Thêm quyền và nhiệm vụ của Người đại diện pháp luật.
11	Bổ sung Điều 28. Người phụ trách quản trị công ty Không quy định	1. Hội đồng quản trị có thể chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty (ngoài Thư ký Công ty) để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. 2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a) Có hiểu biết về pháp luật; b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;	Bổ sung phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và Điều lệ mẫu.

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
		c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm. 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty. h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	
12	Sửa đổi Điều 34. Cán bộ quản lý, điều hành Công ty Điều 34. Cán bộ quản lý, điều hành Công ty 1. Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị cơ cấu cán bộ quản lý, điều hành của Công ty nhằm quản lý điều hành Công ty đáp ứng yêu cầu của Hội đồng quản trị vào từng thời điểm. Cán bộ quản lý, điều hành của Công ty được lựa chọn và đánh giá theo các chuẩn mực, tiêu chí do Hội đồng quản trị phê duyệt.	Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp 1. Theo đề nghị của Giám đốc Công ty và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm dẫn dắt và hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt	Sửa đổi phù hợp với Điều lệ mẫu.

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
	2. Trong trường hợp cần đảm bảo lợi ích của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Trưởng Ban kiểm soát hoặc hai (02) thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ chức danh cán bộ quản lý, điều hành nào trong Công ty. 3. Hợp đồng lao động với Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý, điều hành khác do Giám đốc Công ty quyết định sau khi xin ý kiến của Hội đồng quản trị.	động và tổ chức. 2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc Công ty.	
13	Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty		
	3. Quyết định tất cả các vấn đề của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông	3. Quyết định tất cả các vấn đề của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.	Thêm phân quyền Chủ tịch HĐQT
	4. Đại diện Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch trừ các trường hợp phải có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 3 Điều 25 Điều lệ này	4. Đại diện Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch trừ các trường hợp phải có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 3 Điều 25 Điều lệ này hoặc thuộc thẩm quyền ký kết của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 26 Điều lệ này	Thêm phân quyền Chủ tịch HĐQT
	5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và nằm trong kế hoạch được duyệt	Bỏ	Sửa lại theo yêu cầu của cổ đông chi phối.
14	Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ		
	Không quy định	Bổ sung thêm khoản 4: 4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu.
15	Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý		
	1. Công ty lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính năm phải được kiểm	1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban	Bổ sung, chỉnh sửa theo Điều lệ mẫu. Bỏ quy định lập Báo cáo tài chính quý,

TT	Điều lệ cũ	Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
	toán trước ngày 31/3 của năm tài chính tiếp theo và thông qua Đại hội đồng cổ đông. 2. Công ty lập Báo cáo tài chính sáu tháng và quý theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính sáu tháng phải được đơn vị kiểm toán soát xét và thông qua Hội đồng quản trị. 3. Báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 4. Các báo cáo tài chính được công bố trên website của Công ty.	Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 3. Công ty lập Báo cáo tài chính sáu tháng và quý theo quy định của pháp luật. 4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	6 tháng phải soát xét và công bố thông tin do thay đổi quy định của luật pháp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT**

DỰ THẢO LẦN 2

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

(Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2019)

Hà Nội, tháng 04/2019

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất được chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Thiết kế Công nghiệp Hoá chất theo Quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2019, là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a) "Vốn Điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
 - b) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu: Ngày 24/02/2006 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội;
 - d) "Đơn vị thuộc Công ty" gồm: Văn phòng đại diện, Chi nhánh, Trung tâm, Phòng;
 - e) "Người quản lý doanh nghiệp" hay "cán bộ quản lý" là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
 - f) *"Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.*
 - g) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp *và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán*;
 - h) "Xung đột quyền lợi" được hiểu là trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền, lợi ích mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty từ một hợp đồng, một quyết định hoặc một giao dịch.
 - i) "Lợi ích liên quan" được hiểu là trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng, một quyết định hoặc một giao dịch của Công ty nhưng chưa dẫn đến xung đột quyền lợi.
 - j) "Chuyên trách" được hiểu là không giữ chức vụ điều hành trong bộ máy của Công ty và làm việc toàn thời gian tại Công ty.
 - k) "Hội nghị Đại hội đồng cổ đông" là các phiên họp, phiên làm việc của tất cả các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty.
 - l) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - m) "Công ty" là Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
 - n) *"Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.*
 - o) *"Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.*

p) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 6 Điều 2 Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi và thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Điều lệ này) được sử dụng chỉ nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Tên tiếng Anh: Chemical Industry Engineering Joint-stock Company
- Tên viết tắt: CECO

2. Loại hình: Là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân được pháp luật Việt Nam công nhận và bảo vệ.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: 21A Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: (84 - 4) 38455777
- Fax: (84 - 4) 38232325
- Website: www.cecocom.vn
- Email: engineering@cecocom.vn

4. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty là những người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Xí nghiệp để thực hiện các mục tiêu của Công ty trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt theo Điều 53 Điều lệ này, hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

CHƯƠNG III

LĨNH VỰC, MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Vun đắp văn hoá doanh nghiệp dựa trên giá trị cốt lõi là Lòng tin và Tri thức; Bồi dưỡng con người CECO với phẩm chất Trách nhiệm, Hợp tác, Hiếu học; Nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty.

2. Tăng tích lũy Công ty và lợi tức của Cổ đông; Cải thiện môi trường làm việc, nâng cao thu nhập Người lao động.

3. Đưa công nghệ kỹ thuật và trình độ quản lý tiên tiến nhất vào các dự án đầu tư xây dựng, giúp chủ đầu tư đạt hiệu quả cao và bền vững, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Điều 4. Lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Lĩnh vực hoạt động trọng tâm:

Công ty tập trung vào hoạt động tư vấn, tổng thầu trong các dự án đầu tư xây dựng có hàm lượng kỹ thuật công nghệ cao thuộc ngành công nghiệp hoá chất, thực phẩm, chế biến khoáng sản và năng lượng và bảo vệ môi trường.

2. Ngành nghề kinh doanh chính:

a) Thực hiện các đề tài nghiên cứu và phát triển; triển khai các dự án khoa học công nghệ; cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ; xây dựng và chuyển giao sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền công nghệ;

b) Tư vấn quy hoạch phát triển ngành; tư vấn đầu tư; tư vấn kỹ thuật; tư vấn giám sát; cung cấp dịch vụ quản lý dự án và trợ giúp kỹ thuật;

c) Khảo sát, thiết kế, hướng dẫn thi công;

d) Kiểm tra, kiểm định, chứng nhận chất lượng công trình;

e) Cung cấp dịch vụ môi trường;

f) Tổng thầu các dự án tích hợp.

3. Ngành nghề kinh doanh cụ thể: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bổ sung trong quá trình hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Phạm vi hoạt động của Công ty

Công ty được quyền tự do kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề mà luật không cấm và phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần

1. Vốn Điều lệ của Công ty là **59.770.360.000 VNĐ** (Năm mươi chín tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng Việt Nam), được chia thành 5.977.036 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam. Toàn bộ số cổ phần trên là cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng.

2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật để đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

3. Công ty có quyền phát hành các loại cổ phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Việc phát hành thêm các loại cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu tương ứng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua sẽ do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành để làm cổ phiếu quỹ và có thể bán, trao đổi số cổ phiếu này theo quy định của pháp luật.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Công ty không giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, dấu Công ty và phải thể hiện các nội dung theo quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

2. Người sở hữu cổ phần được cấp Chứng nhận cổ phiếu trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Chứng nhận cổ phiếu.

3. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị hỏng, bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phần đó có thể yêu cầu được cấp Chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Cổ đông chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Chứng nhận cổ phiếu đó.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan.

Điều 10. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế và các quy định khác có liên quan.

2. Trường hợp có nhiều người cùng hàng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng theo đúng quy định pháp luật. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

3. Người có quyền thừa kế hợp pháp sẽ được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi cũng như phải thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan của cổ đông mà họ thừa kế.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự.

5. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và cán bộ quản lý, người điều hành khác cũng được tự do thừa kế nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền trở thành các chức danh tương ứng.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó

thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải ghi rõ số cổ phần sẽ bị thu hồi nếu không thanh toán theo đúng yêu cầu.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với số cổ phần đó.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các Hội nghị Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông hoặc thông

qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc thông qua Hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

c) Chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng quyền mua...;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Tra cứu, trích lục thông tin trong danh sách cổ đông, yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản Hội nghị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty theo quy định tại khoản 4 Điều 54 Điều lệ này khi Công ty giải thể hoặc phá sản;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp Luật Doanh nghiệp quy định;

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều 23 và khoản 5 Điều 29 của Điều lệ này;

b) Tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm của Công ty;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường khi đưa ra bằng chứng về việc quyền lợi của cổ đông bị vi phạm nghiêm trọng, người quản lý doanh nghiệp ra quyết định vượt thẩm quyền hoặc nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty vượt quá 6 tháng mà chưa thực hiện bầu thay thế;

e) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

4. Các yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông nói trên phải được thể hiện bằng văn bản trong đó chứng minh tư cách cổ đông và nêu rõ nội dung yêu cầu.

5. Nghĩa vụ của cổ đông

a) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;

b) Tuân thủ Điều lệ Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;*
- Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;*
- Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;*
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.*

d) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cổ đông;

e) Thực hiện công bố thông tin và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

f) Chịu trách nhiệm cá nhân trong trường hợp vi phạm pháp luật hoặc xâm phạm quyền lợi của Công ty khi thực hiện giao dịch nhân danh Công ty.

6. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu, biểu quyết trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 14 và khoản 1 Điều 15 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của Hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 14. Quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;

b) Quyết định loại chứng khoán, tổng số chứng khoán phát hành, đối tượng, giá bán, phương thức bán, xử lý phần không bán hết của từng loại chứng khoán được quyền chào bán;

c) Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

f) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

i) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho cổ đông và Công ty;

j) Quyết định chấm dứt hoạt động, giải thể Công ty;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Đại hội đồng cổ đông thực hiện quyền thông qua Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường và cho ý kiến bằng văn bản.

Điều 15. Nội dung Hội nghị Đại hội đồng cổ đông

1. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể thảo luận, thông qua và quyết định các vấn đề sau:

a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận; mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

d) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Chiến lược phát triển từng giai đoạn năm (05) năm;

e) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

f) Lựa chọn đơn vị kiểm toán;

g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

h) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thông qua tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

j) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

k) Thanh lý Công ty và chỉ định người thanh lý;

l) Thành lập quỹ và tỷ lệ trích lập các quỹ;

m) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Các nội dung quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này phải được

trình Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình Hội nghị phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết.

Điều 16. Triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoài Hội nghị thường niên phải tiến hành mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức Hội nghị bất thường. Hội đồng quản trị lựa chọn địa điểm, thời gian và triệu tập các Hội nghị Đại hội đồng cổ đông. Địa điểm tổ chức Hội nghị phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm chính được xác định là nơi chủ tọa tham dự.

2. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong khoảng từ tháng 01 đến tháng 4 hàng năm. Trường hợp đặc biệt, có thể kéo dài nhưng không quá 6 tháng và phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

3. Hội đồng quản trị triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích tổ chức Hội nghị, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Ban kiểm soát có bằng chứng về việc các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 38, Điều 39, Điều 40 và Điều 41 Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị và người điều hành khác hành động hoặc chuẩn bị hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Quy định về thời gian triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị giảm ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại điểm d, e khoản 3 Điều này và các

trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành Hội nghị Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều này được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

6. Người triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông. Chuẩn bị chương trình, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Hội nghị;

c) Lập và phát hành thông báo tổ chức Hội nghị.

7. Thông báo Hội nghị Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông, đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện công bố thông tin theo các quy định liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông báo Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày tổ chức Hội nghị Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình Hội nghị Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Hội nghị được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo Hội nghị Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời tham dự phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Hội nghị Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Hội nghị. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình Hội nghị.

9. Người triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 9 Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn;
- b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;
- c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các đề xuất không rõ nội dung hoặc không dựa trên căn cứ pháp luật và Điều lệ Công ty.

10. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình Hội nghị.

11. Hội đồng quản trị có thể mời kiểm toán viên độc lập hoặc khách mời khác tham dự để hỗ trợ cho Hội nghị về các vấn đề liên quan.

Điều 17. Điều kiện tiến hành Hội nghị Đại hội đồng cổ đông

1. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Hội nghị, người triệu tập Hội nghị huỷ Hội nghị. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định Hội nghị lần thứ nhất. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp Hội nghị lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Hội nghị, Hội nghị Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Hội nghị lần hai và trong trường hợp này Hội nghị được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Đại diện được uỷ quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông theo luật

pháp có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện. Người được uỷ quyền dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng Hội nghị.

2. Việc chỉ định người đại diện theo uỷ quyền phải bằng văn bản theo mẫu của Công ty, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo, có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự Hội nghị;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự Hội nghị;

c) Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự Hội nghị.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự Hội nghị trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc Hội nghị Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi Hội nghị được triệu tập lại.

5. Người đại diện theo uỷ quyền phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và trách nhiệm theo Điều 15, Điều 16 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành Hội nghị Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Hội nghị Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự Hội nghị có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Hội nghị, số thẻ tán thành

ng nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa.

3. Cổ đông đến dự Hội nghị muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Hội nghị. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Hội nghị để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các Hội nghị do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Hội nghị theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa Hội nghị và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa Hội nghị. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa Hội nghị và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa Hội nghị.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục tiến hành và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Hội nghị Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký Hội nghị.

6. Chủ tọa Hội nghị có thể hoãn Hội nghị khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự Hội nghị cần thiết.

7. Chủ tọa của Hội nghị hoặc Thư ký Hội nghị có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Hội nghị Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Hội nghị phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia Hội nghị.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm Hội nghị Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm Hội nghị;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Hội nghị.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm Hội nghị có thể:

a) Thông báo Hội nghị được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ Hội nghị có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Hội nghị”);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự Hội nghị được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Hội nghị có thể đồng thời tham dự Hội nghị. Thông báo về việc tổ chức Hội nghị không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Hội nghị ở địa điểm chính của Hội nghị.

12. Hàng năm Công ty tổ chức Hội nghị Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Biên bản họp, thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông tán thành:

a) Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

b) Loại cổ phiếu và tổng số cổ phiếu của từng loại được chào bán;

c) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo Điều 12 Điều lệ này;

e) Tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp;

f) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

2. Các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự Hội nghị tán thành.

3. Đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì áp dụng tỷ lệ biểu quyết thông qua như khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 6 Điều 23 và

khoản 6 Điều 29 Điều lệ này.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Nghị quyết phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày hội nghị kết thúc. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

b) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

7. Biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông

a) Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

b) Người chủ trì Hội nghị Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Hội nghị Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Hội nghị và Thư ký. Nội dung biên bản thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự Hội nghị và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 21. Lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi trực tiếp tới từng cổ đông hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông

trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Các thông tin chứng minh tư cách cổ đông như họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

5. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý, điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

7. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 20 Điều lệ này.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông trong vòng 45 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: *Hội đồng quản trị có ba (03) thành viên, bao gồm một chủ tịch và hai thành viên. Trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể cử 01 phó chủ tịch trong số 2 thành viên còn lại. Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 người là thành viên không điều hành.*

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm, bắt đầu từ ngày 01/5 của năm thứ nhất và kết thúc vào ngày 30/4 của năm thứ năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị kết thúc theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.

b) Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các ngành kỹ thuật, kinh tế tài chính, pháp lý; có ít nhất 3 năm kinh nghiệm quản lý một trong các ngành nghề chính của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c) Không phải là những người thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

d) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị Công ty khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty.

5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

a) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm từ 10% đến dưới 30% thì được quyền đề cử tối đa một (01) ứng cử viên; nếu từ 30% đến dưới 50% thì được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; nếu từ 50% trở lên thì được quyền đề cử ba (03) ứng cử viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng cử viên. Cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này;
 - b) Xin từ nhiệm bằng văn bản và được Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - c) Mất năng lực pháp lý và năng lực hành vi theo quy định của Pháp luật;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị mà không có lý do hợp lý hoặc không được Hội đồng quản trị cho phép;
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị quản lý, giám sát và chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty. Hội đồng quản trị có tất cả các quyền

nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý, điều hành khác.

3. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn của Công ty; Quyết định và giám sát thực hiện kế hoạch bán niên và hàng năm của Công ty gồm: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính - đầu tư, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch khoa học - kỹ thuật - chất lượng, kế hoạch phát triển tin học;

b) Quyết định các biểu trưng thương hiệu, văn hóa Công ty;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua, bán cổ phần tại doanh nghiệp khác; Giới thiệu để người đại diện tham gia ứng cử các chức danh quản lý chủ chốt tại doanh nghiệp khác;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác của Công ty; quyết định mức lương, phụ cấp của cán bộ quản lý, điều hành; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty;

e) Quyết định thành lập các hội đồng thường trực của Công ty;

f) Chỉ định và bãi nhiệm Thư ký Công ty, Người công bố thông tin, *Người phụ trách quản trị công ty, Ban kiểm toán nội bộ*, Đại diện thương mại, Luật sư của Công ty;

g) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

h) Quyết định việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền; Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và theo quy định của pháp luật; Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính vượt quá 10% vốn Điều lệ của Công ty;

i) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

j) Quyết định việc Công ty mua lại không quá 10% mỗi loại cổ phần đã được chào bán trong 12 tháng. Quyết định thu hồi cổ phần theo Điều 11 Điều lệ này;

k) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 (đầu tư hoặc bán tài sản), khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp (hợp đồng, giao dịch với các đối tượng đặc biệt); Phê duyệt kế hoạch triển khai và giám sát việc thực hiện các hợp đồng nói trên;

l) Quyết định các hợp đồng, giao dịch khác giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

m) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị loại, số lượng, đối tượng, giá bán, phương thức bán, xử lý phần không bán hết của từng loại cổ phần, chứng khoán khác của Công ty đưa ra chào bán;

p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Hội nghị Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản;

q) Quyết định thanh tra nội bộ, kiểm toán nội bộ;.

r) *Phân quyền và trách nhiệm cho từng người đại diện theo pháp luật.*

4. Hàng năm, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau:

a) Hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Đánh giá hoạt động của Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty;

c) Tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh trong năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm tiếp theo;

d) Báo cáo tài chính trong năm của Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị đại diện cho Công ty thực hiện vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, trừ khi pháp luật có quy định khác.

6. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao của từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định hoặc được chia đều cho các thành viên. *Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đảm nhận chuyên trách, hưởng lương theo quy chế trả lương của Công ty, không hưởng*

thù lao của Hội đồng quản trị.

7. Tổng số tiền thù lao và tiền lương cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền trả cho mỗi thành viên phải được nêu chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ quản lý, điều hành hoặc kiêm những công việc nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc hình thức khác theo quy chế của Công ty hoặc quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi, khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự họp Hội đồng quản trị, các tiểu ban của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị đề bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Là đồng đại diện theo pháp luật của công ty, chịu trách nhiệm thực hiện các công việc:

- Đại diện Người sử dụng lao động ký hợp đồng lao động với Giám đốc Công ty;*
- Ký các hợp đồng mua bán, cầm cố thế chấp, tài sản, đầu tư, góp vốn của Công ty;*
- Ký các hợp đồng kinh tế và các hợp đồng hoặc văn bản tương đương khác với bên thứ ba với giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên;*
- Ký các giấy tờ thanh lý, quyết toán và các văn bản khác liên quan đến các hợp đồng nêu tại các mục trên.*
- Ký tất cả các giấy tờ khác, đại diện cho công ty ngoài các nội dung thuộc quyền của Giám đốc Công ty.*

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội nghị Đại hội đồng cổ đông; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp nói trên;

d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;

e) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;

f) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác. Nếu không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về: Phát triển thương hiệu, xây dựng văn hoá Công ty; Xác định tầm nhìn và cơ hội phát triển dài hạn của Công ty; Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày làm việc.

Điều 27. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Giám đốc Công ty hoặc ít nhất ba (03) người điều hành khác;

b) Trưởng Ban kiểm soát hoặc ít nhất hai (02) Kiểm soát viên;

c) Ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị;

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

7. Thông báo kèm tài liệu họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp; các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo được làm bằng văn bản tiếng Việt, thể hiện đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết và phiếu biểu quyết cho những thành viên không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Thủ tục mời họp đối với kiểm soát viên áp dụng như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời một số người trong hoặc ngoài Công ty tham dự họp nếu cần. Những người được mời họp có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai (02) thành viên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các vấn đề mà thành viên đó có xung đột quyền lợi;

c) Khi một thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến một vấn đề đưa ra biểu quyết nhưng không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của mình thì chủ tọa quyết định quyền biểu quyết của thành viên đó sau khi công bố tính chất, phạm vi lợi ích nói trên.

d) Thành viên Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết thì không tính vào số lượng đại biểu tối thiểu quy định tại khoản 9 điều này.

12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

14. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có sai sót.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp. Chủ tọa và Thư ký chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

Điều 28. Người phụ trách quản trị công ty

1. *Hội đồng quản trị có thể chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty (ngoài Thư ký Công ty) để hỗ trợ hoạt động quản trị công*

ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Tham dự các cuộc họp;
- d) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- f) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- g) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, ứng cử, bầu cử Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, bao gồm một (01) trưởng ban và hai (02) kiểm soát viên.

2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm, bắt đầu từ ngày 01/5 của năm thứ nhất và kết thúc vào ngày 30/4 của năm thứ năm. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên kết thúc theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:

- a) Có trình độ học vấn từ đại học trở lên;

- b) Có hiểu biết về pháp luật và kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp;
- c) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- e) Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý, điều hành Công ty. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

4. Kiểm soát viên không phải là người thuộc bộ phận kế toán tài chính của Công ty, không phải là thành viên hay nhân viên của đơn vị kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ít nhất phải có hai Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.

5. Ứng cử và đề cử thành viên Ban kiểm soát.

a) Cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp cho nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền ứng cử, đề cử người vào Ban kiểm soát. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) thì được quyền đề cử một (01) ứng cử viên; nếu chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) thì được quyền đề cử hai (02) ứng cử viên; nếu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên thì được đề cử ba (03) ứng cử viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng cử viên. Cách thức Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như bầu Hội đồng quản trị quy định tại khoản 6 Điều 23 Điều lệ này.

7. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng Kiểm soát viên giảm so với quy định tại khoản 1 Điều 29 Điều lệ này thì Đại hội đồng cổ đông phải bầu bổ sung trong Hội nghị Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 31. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty; kiểm soát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; đánh giá mức độ hoàn thành chức trách nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành như quy định tại Chương IX Điều lệ này.

2. Ban kiểm soát có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

b) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

c) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

d) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

e) Tham mưu cho Hội đồng quản trị về việc chỉ định và bãi nhiệm đơn vị kiểm toán, mức phí kiểm toán; thảo luận với đơn vị kiểm toán về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi tiến hành kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó

khẩn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà đơn vị kiểm toán muốn bàn bạc. Thẩm định ý kiến của đơn vị kiểm toán và ý kiến phản hồi.

f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty. Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý, điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên. Thư ký Công ty phải bảo đảm toàn bộ các thông tin cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

j) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của đơn vị kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của người quản lý công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 32. Trưởng Ban kiểm soát

1. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp nói trên;
- c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá và thanh tra nội bộ;
- d) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản của Ban kiểm soát để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;
- e) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để thông báo tới các Kiểm soát viên;
- f) Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
- g) Phân công công việc cho các Kiểm soát viên phụ trách theo yêu cầu công việc của Công ty.

Điều 33. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát sẽ được bầu tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Ban kiểm soát trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

2. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng phải họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần. Số lượng thành viên tham dự họp tối thiểu trong mỗi cuộc họp là hai (02) người.

CHƯƠNG IX

GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 34. Bộ máy quản lý, điều hành Công ty

Bộ máy quản lý, điều hành của Công ty bao gồm một (01) Giám đốc, các Phó giám đốc; Kế toán trưởng; các Trưởng, Phó phòng; Giám đốc, Phó giám đốc chi nhánh; Giám đốc, Phó giám đốc trung tâm; Trưởng, Phó văn phòng đại diện được tổ chức theo phương pháp trực tuyến chức năng.

Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc Công ty và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc Công ty.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, khi hết nhiệm kỳ thì Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm lại. Nếu Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm lại Giám đốc thì Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm xem xét và ký kết lại hợp đồng lao động với Giám đốc.

3. Giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn sau:

- a) Sức khỏe tốt;
- b) Phẩm chất đạo đức tốt, trung thực; Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư;
- c) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành kỹ thuật, kinh tế, quản trị kinh doanh; có trình độ chuyên môn về tư vấn thiết kế; có ít nhất năm (05) năm công tác trong ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty;
- d) Có năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý doanh nghiệp, nắm vững pháp luật và nội quy của Công ty.

4. Giám đốc Công ty không phải là những người sau đây:

- a) Người vị thành niên;
- b) Người không đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật hoặc đang thi hành án;

- c) Người đã từng bị kỷ luật trên mức cảnh cáo hoặc bị kết án về sai phạm trong quản lý kinh tế;
- d) Nhân viên lực lượng vũ trang, công chức, viên chức;
- e) Người từng lãnh đạo một doanh nghiệp bị phá sản;
- f) Người đã có chứng cứ về việc vô tổ chức kỷ luật, không trung thực, tham nhũng.

5. Giám đốc Công ty không được đồng thời làm giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp khác (trừ trường hợp là người đại diện phần vốn của Công ty).

6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc Công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế.

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Điều hành bộ máy quản lý Công ty đảm bảo hoạt động thường xuyên của Công ty liên tục, đồng bộ, đạt hiệu quả cao.

3. Quyết định tất cả các vấn đề của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, *Chủ tịch Hội đồng quản trị* và Đại hội đồng cổ đông.

4. *Đại diện Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch trừ các trường hợp phải có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 3 Điều 25 Điều lệ này hoặc thuộc thẩm quyền ký kết của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.*

5. Đề xuất bộ máy quản lý, điều hành và số lượng cán bộ quản lý, điều hành, phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý của Công ty, đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty. Đề xuất để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều kiện khác đối với cán bộ quản lý, điều hành.

6. Dựa trên kế hoạch nhân lực và tiền lương được phê duyệt, Giám đốc Công ty quyết định số lượng lao động, mức lương và phụ cấp (nếu có), lợi ích và các điều kiện khác.

7. Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính - đầu tư, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch khoa học - kỹ thuật - chất lượng, kế hoạch phát triển tin học của Công ty trình Hội đồng quản trị phê chuẩn vào đầu năm tài chính.

8. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ

đồng và Hội đồng quản trị thông qua.

9. Chuẩn bị và thông qua báo cáo tài chính hàng quý của Công ty.

10. Không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy điều hành Công ty.

11. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

12. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.

Điều 38. Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) đến ba (3) người làm Thư ký Công ty. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Công ty:

a) Chuẩn bị và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b) Đảm bảo chương trình, nghị quyết các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông đúng trình tự thủ tục và phù hợp Điều lệ Công ty.

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tư vấn, hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

e) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

f) Hỗ trợ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong quan hệ cổ đông, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

g) Hỗ trợ Giám đốc Công ty trong việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục quy định đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết.

h) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG X
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH KHÁC TRONG CÔNG TY

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng và miễn cán

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý, điều hành khác phải thực hiện các nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao nhất, cẩn trọng và nỗ lực hơn so với khi thực hiện công việc tương tự cho bản thân hoặc gia đình.

2. Lời nói và hành động của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý, điều hành khác khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình phải dựa trên và hướng tới quan điểm, mục tiêu, hình ảnh của Công ty và phải thể hiện sự miễn cán, phấn đấu vượt khó vì Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý, điều hành khác có trách nhiệm phát hiện và đề xuất tất cả các cơ hội có thể đem lại lợi ích dài hạn cho Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty có trách nhiệm tự mình phát hiện, xem xét cẩn trọng và đưa ra thảo luận kỹ lưỡng các đề xuất; không được vì ngại trách nhiệm hoặc ngại khó hoặc vừa lòng với hiện trạng mà bỏ qua cơ hội phát triển Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và minh bạch lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý, điều hành khác phải đặt lợi ích của Công ty lên trên lợi ích cá nhân và nhóm cá nhân; không được sử dụng quyền lực, chức vụ Công ty giao cho để mưu cầu lợi ích kinh tế hoặc quyền lực, chức vụ cho mình hoặc người thân. Những người này cũng không được biến cơ hội kinh doanh hoặc thông tin nội bộ có thể mang lại lợi ích cho Công ty thành cơ hội của tổ chức hoặc cá nhân ngoài Công ty.

2. Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý, điều hành khác, khi phát hiện mình hoặc người có liên quan được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đang dự kiến ký kết với Công ty, phải lập tức thông báo đến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Trưởng Ban kiểm soát và công khai bản chất, nội dung của lợi ích liên quan trong cuộc họp đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch đó. Trong trường hợp hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết, người có lợi ích liên quan phải lập tức báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về bản chất, nội dung của lợi ích liên quan và lý do phát hiện muộn để công bố tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý, điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý, điều hành khác hoặc những người có liên quan hoặc pháp nhân mà những người này là thành viên hoặc có lợi ích tài chính, trừ trường hợp đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với các đối tượng nêu tại khoản 6 điều này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những thông tin quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích liên quan đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị cho phép bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những thông tin quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích liên quan đã được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông cho phép thông qua biểu quyết của những không có lợi ích liên quan;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch, đồng thời được Hội đồng quản trị cho phép bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

6. Các đối tượng nêu tại khoản 2 điều này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có lợi ích liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý, điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình vì lý do thiếu cẩn trọng và mẫn cán, thiếu trung thực hoặc minh bạch lợi ích đều phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu

người đó là Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý, điều hành, hoặc Công ty uỷ quyền với điều kiện:

a) Người đó đã hành động cẩn trọng và miễn cán, trung thực và minh bạch lợi ích như quy định tại Điều 39 và Điều 40 Điều lệ này;

b) Tuân thủ luật pháp.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó cho những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 42. Xem xét trách nhiệm

1. Khi cổ đông, nhóm cổ đông hoặc cán bộ nhân viên của Công ty phát hiện bất kỳ dấu hiệu vi phạm trách nhiệm của bất kỳ cán bộ quản lý, điều hành nào trong Công ty mà đã báo cho Ban kiểm soát thì Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo ngay cho Hội đồng quản trị bằng cách phát hành một Thư quản lý, trong đó phải nêu rõ loại trách nhiệm bị vi phạm. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm làm rõ, lưu ý kiến của mình trên Thư quản lý nói trên, tùy mức độ vi phạm, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể thông báo trực tiếp đến cá nhân vi phạm hoặc đưa ra cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm đánh giá hàng năm về mức độ hoàn thành chức trách nhiệm vụ của cán bộ quản lý, điều hành và của chính các thành viên Ban kiểm soát. Vào tháng một (01) của năm tiếp sau, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ trì cuộc họp liên tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để xem xét Báo cáo đánh giá mức độ hoàn thành chức trách nhiệm vụ trong năm trước của từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý, điều hành khác, trừ những người nhận nhiệm vụ từ ba (03) tháng trở xuống. Chủ tọa cuộc họp có thể mời đại diện các tổ chức chính trị xã hội hoặc cán bộ quản lý trong Công ty để hỗ trợ công tác đánh giá, được tham gia thảo luận nhưng không được biểu quyết. Biên bản họp phải thể hiện đầy đủ các ý kiến đối với từng cá nhân, khuyến cáo của Trưởng Ban kiểm soát và kết luận của chủ tọa cuộc họp. Biên bản cuộc họp được lưu theo chế độ bảo mật.

3. Đối với những trường hợp vi phạm trách nhiệm nghiêm trọng hoặc lặp đi lặp lại có hệ thống, chủ tọa cuộc họp đánh giá nêu tại khoản 2 điều này phải tiến hành biểu quyết mức độ xử lý thông qua bỏ phiếu bởi các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát, trừ đối tượng vi phạm. Nếu người vi phạm là Chủ tịch Hội đồng quản trị thì người điều hành việc bỏ phiếu là Trưởng Ban kiểm soát.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, yêu cầu bằng văn bản được kiểm tra danh sách cổ đông, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty có quyền kiểm tra danh sách cổ đông và hồ sơ khác của Công ty có liên quan trực tiếp đến việc thực thi nhiệm vụ của mình, nhưng phải bảo mật các thông tin này.

3. Công ty lưu Điều lệ và các bản sửa đổi bổ sung; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản; biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các báo cáo của Ban kiểm soát; báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các loại tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CÔNG NHÂN VIÊN

Điều 44. Tổ chức Đảng, Đoàn thể và Công nhân viên

1. Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các tổ chức chính trị xã hội, các Hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, điều lệ và quy định của tổ chức đó. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

2. Hội đồng quản trị chủ trì việc xây dựng các quy chế phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty, tuân thủ pháp luật, điều lệ của tổ chức và Điều lệ Công ty nhằm phát huy tối đa vai trò của tổ chức trong việc hoàn thành mục tiêu của Công ty.

3. Bằng nguồn lực của mình, Công ty có thể hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này theo quy chế phối hợp và đề xuất của Giám đốc Công ty.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty hàng năm sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, theo mức do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Tại thời điểm chi trả cổ tức, nếu cổ đông chưa đến nhận thì Công ty sẽ không trả lãi hoặc các chi phí phát sinh liên quan đến các khoản cổ tức chưa nhận.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu.
5. Khi Công ty trả cổ tức bằng tiền, đồng tiền sử dụng là đồng Việt Nam.
6. Cổ đông phải chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp (tài khoản ngân hàng, địa chỉ, thông tin cá nhân khác) để phục vụ việc chuyển tiền. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
7. Hội đồng quản trị xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Tại thời điểm này, người sở hữu cổ phần hoặc chứng khoán khác của Công ty được hưởng các quyền của mình (nhận cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu, lãi trái phiếu...) theo thông báo của Công ty và phù hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam trong và ngoài Việt Nam theo pháp luật hiện hành.
2. Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm giám sát việc quản lý, sử dụng tài khoản ngân hàng của chi nhánh, văn phòng đại diện.
3. Công ty chỉ sử dụng các tài khoản nêu tại khoản 1 điều này để thực

hiện các giao dịch ngân hàng.

4. Giám đốc Công ty là chủ tài khoản và có thể ủy quyền cho các Phó giám đốc sử dụng tài khoản của Công ty.

5. Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện là chủ tài khoản của đơn vị mình tại ngân hàng, được đăng ký chính thức với sự chấp thuận của Giám đốc Công ty.

Điều 47. Trích lập các quỹ

Lợi nhuận thực hiện hàng năm, sau khi bù lỗ năm trước (nếu có), trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trả cổ tức cho cổ đông, số còn lại trích cho các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi;
- Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành;
- Các quỹ khác nếu có.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó (năm Dương lịch).

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS).
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ theo quy định của Luật Kế toán.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung

thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty lập Báo cáo tài chính sáu tháng và quý theo quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

2. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông, được nhận các thông tin như các cổ đông của Công ty, được phát biểu ý kiến tại Hội nghị về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII

CON DẤU

Điều 53. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện tối thiểu những thông tin sau:

- a) Tên doanh nghiệp;
- b) Mã số doanh nghiệp;

2. Mẫu dấu của Công ty được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trước khi đưa vào sử dụng.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật;
- b) Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định giải thể Công ty phải được thông báo cho cổ đông và các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 55. Thanh lý công ty

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ đơn vị kiểm toán. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập.

2. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

3. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban Thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính có thẩm quyền.

4. Tiền thu được từ việc thanh lý nếu không có quy định khác của pháp luật sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên Công ty;
- c) Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa:

- a) Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Công ty;
- b) Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Hội đồng quản trị, Giám đốc hay cán bộ quản lý, *người điều hành* của Công ty.

Các bên liên quan trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp không liên quan đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ và tổ chức Công đoàn làm trọng tài giải quyết tranh chấp.

2. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, thì một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Trọng tài hoặc Toà án để giải quyết; trong trường hợp này, Giám đốc Công ty sẽ là đại diện trước pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra toà xét xử thì Toà án sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan.

CHƯƠNG XX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 57. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

a) Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

b) Những nội dung của Điều lệ như: Vốn Điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khi có nghị quyết hợp pháp về từng nội dung trên sẽ mặc nhiên là nghị quyết thay đổi Điều lệ ở những nội dung đó.

2. Trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề

cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của pháp luật mới ban hành khác với những quy định trong Điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực, sao trích Điều lệ

1. *Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 59 Điều, được Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2019 tại Hà Nội.*

2. Điều lệ này được lập thành *ba (03) bản*, có giá trị như nhau, được lưu giữ tại trụ sở chính, đăng tải trên website của Công ty và nộp cho các cơ quan chức năng theo quy định.

3. Kể từ ngày được thông qua, Điều lệ này là bản chính thức và duy nhất của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty.

Điều 59. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên

Chủ tịch

Thành viên

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	2
CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	3
CHƯƠNG II TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
CHƯƠNG III LĨNH VỰC, MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 4. Lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	6
Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 10. Thừa kế cổ phần.....	7
Điều 11. Thu hồi cổ phần.....	7
CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm.....	8
CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 13. Quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông.....	8
Điều 14. Quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Nội dung Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Triệu tập Hội nghị Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 17. Điều kiện tiến hành Hội nghị Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Đại diện được ủy quyền.....	14
Điều 19. Thẻ thức tiến hành Hội nghị Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Biên bản họp, thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Lấy ý kiến bằng văn bản	18
Điều 22. Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 23. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	26
Điều 28. Người phụ trách quản trị công ty	28
CHƯƠNG VIII BAN KIỂM SOÁT	29

Điều 29.	Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, ứng cử, bầu cử Ban kiểm soát	29
Điều 30.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Kiểm soát viên	30
Điều 31.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	31
Điều 32.	Trưởng Ban kiểm soát	33
Điều 33.	Cuộc họp Ban kiểm soát.....	33
CHƯƠNG IX GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ THƯ KÝ CÔNG TY		34
Điều 34.	Bộ máy quản lý, điều hành Công ty	34
Điều 35.	<i>Người điều hành doanh nghiệp</i>	34
Điều 36.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty	34
Điều 37.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty	35
Điều 38.	Thư ký Công ty.....	36
CHƯƠNG X TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH KHÁC TRONG CÔNG TY		37
Điều 39.	Trách nhiệm cẩn trọng và mẫn cán	37
Điều 40.	Trách nhiệm trung thực và minh bạch lợi ích	37
Điều 41.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	38
Điều 42.	Xem xét trách nhiệm.....	39
CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY		40
Điều 43.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	40
CHƯƠNG XII TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CÔNG NHÂN VIÊN		40
Điều 44.	Tổ chức Đảng, Đoàn thể và Công nhân viên	40
CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		41
Điều 45.	Phân phối lợi nhuận.....	41
CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....		41
Điều 46.	Tài khoản ngân hàng	41
Điều 47.	Trích lập các quỹ.....	42
Điều 48.	Năm tài chính	42
Điều 49.	Chế độ kế toán.....	42
CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG		42
Điều 50.	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	42
Điều 51.	Báo cáo thường niên	43
CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY		43
Điều 52.	Kiểm toán.....	43
CHƯƠNG XVII CON DẤU		43
Điều 53.	Con dấu	43
CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY ..		44
Điều 54.	Chấm dứt hoạt động	44
Điều 55.	Thanh lý công ty.....	44

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	45
CHƯƠNG XX SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	45
Điều 57. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ	45
CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC	46
Điều 58. Ngày hiệu lực, sao trích Điều lệ	46
Điều 59. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị.....	46

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**

Kính thưa Đoàn Chủ tịch;

Kính thưa quý cổ đông, quý đại biểu,

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được ban hành kèm theo Quyết định số 285/QĐ-CTTK ngày 17/8/2016 của HĐQT công ty.

Căn cứ các quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Bộ Tài chính quy định về nội dung Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) áp dụng cho công ty đại chúng, công ty niêm yết.

Thay mặt Ban Kiểm soát (BKS) tôi xin báo cáo trước hội nghị ĐHCĐ thường niên 2018 về hoạt động của BKS năm 2018 và giữa hai kỳ hội nghị ĐHCĐ thường niên 2018-2019 như sau:

I. Tổng kết hoạt động và các cuộc họp của BKS trong năm 2018 và giữa hai kỳ hội nghị ĐHCĐ thường niên 2018-2019.

1. Từ sau Hội nghị ĐHCĐ thường niên 2018 (21/04/2018), đến Hội nghị ĐHCĐ thường niên 2018 (20/04/2019), BKS họp 4 phiên.

- Phiên thứ III.10 họp ngày 27/4/2018.
- Phiên thứ III.11 họp ngày 29/8/2018.
- Phiên thứ III.12 họp ngày 26/10/2018.
- Phiên thứ III.13 họp ngày 04/04/2019.

Các phiên họp BKS được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tại phiên thứ III.13 BKS đã thông qua toàn văn Báo cáo hoạt động của BKS trình Hội nghị ĐHCĐ thường niên 2019; BKS cũng thẩm tra BCTC của Công ty năm 2018 đã được kiểm toán.

Thư ký công ty đã tổng hợp và lập biên bản các cuộc họp. Biên bản cuộc họp được lập kịp thời, thông qua vào cuối phiên họp với sự nhất trí 100% các thành viên tham dự.

2. Báo cáo về thù lao và chi phí hoạt động của BKS trong năm 2018

- Mức thù lao mà các thành viên BKS nhận được theo Nghị quyết Hội nghị ĐHCĐ thường niên 2018 họp ngày 21/04/2018, cụ thể như sau:
 - + Trưởng BKS thực hiện nhiệm vụ chuyên trách và không nhận lương.
 - + Thành viên BKS nhận 3.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 36.000.000 đồng/năm/người.

Như vậy tổng cộng tiền thù lao các thành viên BKS đã nhận năm 2018 là 72.000.000 đồng.

Trong năm 2019, BKS đề xuất mức thù lao của thành viên BKS là 500.000 đồng/phiên họp.

II. Đánh giá, giám sát kết quả SXKD năm 2018 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2019.

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018.

Căn cứ báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2019, BCTC riêng và BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của công ty (đã được kiểm toán); Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018, BKS đã xem xét và đánh giá như sau:

- Năm 2018, Công ty gặp rất nhiều khó khăn do dự án NPK bị chậm do các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và dòng tiền của dự án.
- Công ty đã mất rất nhiều nhân lực và vật lực để tham gia dự thầu các gói thầu NOx hiện nay đang dừng triển khai do chủ trương của Chính Phủ.
- Việc thu hồi giá trị tạm ứng còn lại của dự án muối Lào gây rất nhiều khó khăn cho Công ty trong những tháng cuối năm.

Tuy nhiên, HĐQT cũng đã ban hành kịp thời các nghị quyết về việc chỉ đạo bên điều hành giải quyết những tồn đọng, và tìm cơ hội khai thác các hợp đồng mới, song do những nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt chưa cao.

- Doanh thu đạt là 404 tỷ đạt 89 % chỉ tiêu Nghị quyết
- Lợi nhuận sau thuế 4,6 tỷ đạt 46 % so với Nghị quyết ĐHĐCĐ

2. Về kế hoạch SXKD năm 2019:

Căn cứ tình hình thực tế về giá trị ký kết các hợp đồng đang thực hiện, BKS nhất trí với các chỉ tiêu SXKD năm 2018 được nêu trong Báo cáo của GĐCT và HĐQT đã thông qua: Doanh thu hợp nhất 385 tỷ, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 8,5 tỷ.

III. Đánh giá, thẩm tra BCTC của công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 và đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019.

1. BKS đã nhận được BCTC riêng và BCTC hợp nhất của công ty cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam

2. Trên cơ sở báo cáo số 151/2019/BCKT-BCTCR/CPA VIETNAM ngày 7/03/2018 và báo cáo số 281/2019/BCKT-BCTCR/CPA VIETNAM ngày 27/03/2018 của đơn vị kiểm toán KPMG phát hành, BKS đã thực hiện thẩm tra các báo cáo trên và có ý kiến sau:

- CPA đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, xem xét tính thích hợp của chính sách kế toán được áp dụng của công ty và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc công ty. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính trước hợp nhất và sau hợp nhất của CECO tại ngày 31/12/2018. Kết quả SXKD và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất và sau hợp nhất

cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

- Tại thời điểm 31/12/2018 vốn điều lệ của công ty CECO là **59.77** tỷ, trong đó vốn nhà nước (Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam) còn **29,91%**.

- Từ việc phân tích báo cáo hợp nhất của công ty đã được kiểm toán cho thấy:

+ Tổng tài sản cuối kỳ **588,897** tỷ, tăng so với đầu kỳ (447,398 tỷ) là 141,499 tỷ

+ Về nguồn vốn: Vốn chủ là 99,241 tỷ tăng so với cùng kỳ năm trước 4,184 tỷ, trong đó vốn chủ chiếm 16,85 % tổng nguồn vốn, còn lại là vốn vay và nợ.

+ Về khả năng thanh toán

✓ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn

562,580 tỷ/489,598 tỷ=1,14 lần (kỳ trước 1,19 lần)

✓ Hệ số thanh toán ngay: Tiền và tương đương tiền/Tổng nợ ngắn hạn

26.317tỷ/489,598 tỷ= 14,74 lần (kỳ trước 0,23lần)

+ Về lợi nhuận:

✓ Lợi nhuận trước thuế đạt 6 tỷ, năm trước là 429 triệu

✓ Lợi nhuận sau thuế đạt 4,6 tỷ, năm trước là 111,8 triệu

+ Đầu tư góp vốn vào các công ty con và công ty khác: 21,76 tỷ, giảm 2,343 tỷ do rút vốn giải thể Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất CPMC, trong đó đầu tư vào Công ty con là 17,068 tỷ, đầu tư vào công ty liên kết và đơn vị khác là 4,8 tỷ

IV. Về việc lựa chọn và đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2019 phê chuẩn tổ chức kiểm toán BCTC riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của công ty cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2019.

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là Công ty kiểm toán lớn, phạm vi hoạt động toàn cầu, được Ủy ban chứng khoán chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết.
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán, Báo cáo kiểm toán được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý.

2. Dựa trên những tiêu chí trên, sau khi xem xét hồ sơ năng lực, mức chào giá dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam và đối chiếu với các yêu cầu về hồ sơ Báo cáo kiểm toán năm 2019 của Công ty. BKS đề xuất lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

V. Kết quả giám sát đối với HĐQT, GĐCT và cán bộ quản lý.

1. Đánh giá, giám sát đối với HĐQT:

- Trong năm 2018, HĐQT đã biểu quyết thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT Ông Nguyễn Công Thắng do được đề cử làm Giám đốc Công ty từ ngày 01/03/2018.

Theo đó HĐQT còn 04 thành viên trong đó 02 thành viên giữ nhiệm vụ chuyên trách, 01 thành viên kiêm chức danh điều hành, 01 thành viên độc lập.

- Về hoạt động: Trong năm 2018 và giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2018-2019 HĐQT đã họp 7 phiên (từ phiên III.10 đến phiên III.17). Các phiên họp của HĐQT được tiến hành theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Đồng chí Chủ tịch HĐQT chủ trì các phiên họp, căn cứ tính chất nội dung cuộc họp, HĐQT mời một số cán bộ quản lý của công ty tham dự như các phó giám đốc và các trưởng phòng nghiệp vụ. BKS được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT. Thư ký công ty là thư ký cuộc họp, làm nhiệm vụ tổng hợp ý kiến thảo luận, lập biên bản, Nghị quyết phiên họp và các quyết định của HĐQT.

- Tại các phiên họp của HĐQT đã quyết định và ban hành các quyết định liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, liên quan đến việc kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự của công ty, liên quan đến việc giải quyết các công việc liên quan của dự án muối Lào; việc triển khai thực hiện dự án EPC sản xuất phân bón phức hợp từ Urea của Công ty Phân bón dầu khí Cà Mau, liên quan đến việc chỉ đạo GĐCT và bộ máy điều hành thực hiện và triển khai công tác sản xuất kinh doanh tháng, quý và năm 2018.

2. Đánh giá, giám sát đối với Giám đốc công ty và bộ máy điều hành.

- Về nhân sự: Trong năm 2018, Ban Giám đốc gồm 03 thành viên. Từ 01/03/2019, các thành viên của Ban Giám đốc kiêm nhiệm trưởng các bộ phận, trực tiếp tham gia điều phối các dự án đang thực hiện do vậy tiến độ và chất lượng công việc được giám sát sát sao hơn.

- Bộ máy điều hành sau khi tái cấu trúc sáp nhập còn 3 phòng khối gián tiếp (so với trước thời điểm 1/3/2018 là 5 phòng); khối trực tiếp còn 04 Trung tâm (so với trước thời điểm 1/3/2018 là 8 phòng/trung tâm).

- Về công tác xây dựng quy chế nội bộ: Ban Giám đốc đã kịp thời xây dựng và ban hành Quy chế lương mới có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 theo cơ chế trả lương vị trí, khuyến khích lao động tránh tình trạng chảy máu chất xám.

- BKS khuyến nghị Giám đốc công ty và bộ máy điều hành cần rà soát lại việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT, trong đó việc xây dựng các quy chế quan trọng như quy chế thực hiện hợp đồng kinh tế, về việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác thiết kế, các công việc này đặt ra nhiều năm nhưng vẫn chưa có kết quả.

VI. Về việc phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, GĐCT và cổ đông trong năm 2017 và giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ 2017-2018.

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, GĐCT và cổ đông được thực hiện theo Quy chế hoạt động của BKS CECO (ban hành theo Quyết định số 285/QĐ-CTTK ngày 17/08/2016).

- Để hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty mà ĐHĐCĐ giao cho, các thành viên BKS đã chủ động thu thập thông tin liên quan đến việc quản lý của HĐQT, điều hành của GĐCT. Các thành viên BKS cơ bản tham dự đầy đủ các phiên họp trong năm. Các thành viên BKS tự nâng cao trình độ, hiểu biết về các chính sách, luật pháp liên quan đến công tác kiểm soát trong công ty.

- Về cơ bản BKS đã nhận được kịp thời các tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động của công ty do thư ký công ty chuyển tới.

Trên đây là báo cáo tổng hợp hoạt động của BKS trong năm 2018 và dự kiến chương trình hoạt động trong năm 2019, Ban Kiểm soát xin báo cáo toàn thể hội nghị./.

Xin chân thành cảm ơn./.

TM.BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban



Trương Thanh Vân

PHỤ LỤC

(kèm theo Báo cáo hoạt động của BKS)

Dự kiến chương trình hoạt động của BKS năm 2019 và giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2019-2020

STT	Phiên họp	Nội dung
1	Phiên họp thứ 14 nhiệm kỳ III (III.14-BKS). Dự kiến họp 25/04 - 30/04/2019	- Tiếp cận hồ sơ, tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2019 đã ban hành. - Đánh giá, giám sát về kết quả SXKD quý I và triển khai nhiệm vụ quý II năm 2018
2	Phiên họp thứ 15 nhiệm kỳ III (III.15-BKS) Dự kiến họp cuối tháng 7/2019	- Đánh giá, giám sát đối với hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành 6 tháng đầu năm 2019. - Đánh giá hiệu quả SXKD 6 tháng đầu năm 2019 của công ty, trong đó có việc phân tích tài chính 6 tháng của công ty trên các khía cạnh: + Phân tích tình hình tổ chức và huy động vốn. + Phân tích sự biến động và cơ cấu tài sản, nguồn vốn. + Phân tích tốc độ luân chuyển vốn lưu động. + Phân tích hiệu quả sử dụng vốn. - Kiểm điểm hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm - Các kiến nghị của BKS đối với việc quản trị công ty của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành.
3	Phiên họp thứ 16 nhiệm kỳ III (III.16-BKS) Dự kiến họp trung tuần tháng 10/2019	- Đánh giá, giám sát đối với hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành Quý III và 9 tháng đầu năm 2019. - Đánh giá hiệu quả SXKD 9 tháng đầu năm và các biện pháp SXKD quý IV/2019 và khả năng hoàn thành các chỉ tiêu theo NQ ĐHĐCĐ.
4	Phiên họp thứ 17 nhiệm kỳ III (III.17-BKS) Dự kiến họp trong tháng 03/2020	- Đánh giá, giám sát đối với hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành trong Quý IV và cả năm 2019 về việc thực hiện NQ ĐHĐCĐ năm 2019 và các nghị quyết của HĐQT. - Đánh giá hiệu quả SXKD năm 2019 của công ty trên các yếu tố:

STT	Phiên họp	Nội dung
		+ Các chỉ tiêu SXKD + Các yếu tố về quản trị điều hành + Các yếu tố về sử dụng nguồn lực + Công tác đầu tư XD và nghiên cứu khoa học + Các yếu tố về quản lý chi phí, lao động tiền lương và hiệu quả sử dụng vốn. - Xem xét thẩm tra BCTC riêng và BCTC hợp nhất của công ty cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2019. - Xem xét kế hoạch SXKD của công ty năm 2020
5	Phiên họp thứ 18 nhiệm kỳ III (III.18-BKS) Dự kiến họp trước ngày tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020	- Thông qua toàn văn báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2020. Trong đó có việc thẩm tra BCTC năm 2019. - Trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất kết thúc vào 31/12/2020. - Các kiến nghị của BKS.
6	Phiên họp liên tịch với HĐQT (theo lịch của HĐQT)	- Theo nội dung của HĐQT
7	Các phiên họp bất thường để xử lý những vấn đề phát sinh (theo thời điểm phát sinh sự việc).	- Nội dung phù hợp với những vấn đề phát sinh.

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa XIII, nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung ngày 12/9/2016;

Căn cứ vào hồ sơ năng lực và chào giá dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam đề ngày 02/4/2019 cho việc kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất;

Căn cứ Biên bản họp của Ban kiểm soát ngày 04/4/2019,

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức có lợi ích công chúng;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý.

2. Dựa trên những tiêu chí trên, sau khi xem xét hồ sơ năng lực, mức chào giá dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và đối chiếu với các yêu cầu về hồ sơ Báo cáo kiểm toán năm 2019 của Công ty, Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất với mức phí là **130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng chẵn)**, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết định./.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trương Thanh Vân

QUY CHẾ BẦU CỬ
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG
NGHIỆP HÓA CHẤT**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 26/7/2012 Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung ngày 12/9/2016,

Việc bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 của Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất được tiến hành theo những quy định sau:

I. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn trình tự và thủ tục bầu cử (bao gồm cả ứng cử, đề cử) bổ sung Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất;
2. Các cổ đông có quyền bỏ phiếu bầu bổ sung Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung của quy định này.

II. Quy chế đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT

1. Thành phần và nhiệm kỳ

- Số lượng Thành viên HĐQT bầu bổ sung trình ĐHĐCĐ: 01 Thành viên HĐQT.
- Nhiệm kỳ Thành viên HĐQT bổ sung: Tiếp tục nhiệm kỳ 2016-2021.
- Số lượng ứng cử viên Thành viên HĐQT bổ sung: Không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT:

Được quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.
- Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các ngành kỹ thuật, kinh tế tài chính, pháp lý; có ít nhất 3 năm kinh nghiệm quản lý một trong các ngành nghề chính của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Không phải là những người thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị Công ty khác..

3. Thủ tục ứng cử, đề cử Thành viên HĐQT:

- 3.1. Các cổ đông, nhóm cổ đông đủ tiêu chuẩn ứng cử, đề cử ứng viên bầu bổ sung làm Thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty gửi Đơn ứng cử/đề cử về Công ty trước ngày 18/4/2019 về địa chỉ:
- Ông Nguyễn Văn Quý, Thư ký Công ty
 - Địa chỉ: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Số 21A Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
 - Điện thoại: (84-4) 3.845.577, Máy lẻ: 111 - Fax: (84-4) 3.823.2325
- 3.2. Hồ sơ ứng cử, đề cử:
- Giấy ứng cử/đề cử ứng viên Thành viên HĐQT (theo mẫu đính kèm);
 - Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu đính kèm).
- 3.3. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền ứng cử/đề cử 01 ứng viên bổ sung làm Thành viên HĐQT.

III. Hướng dẫn cách thức bầu Thành viên HĐQT:

1. Nguyên tắc bầu cử

Việc biểu quyết bầu Thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên HĐQT được bầu bổ sung trong Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Hình thức phiếu bầu cử

- Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền đến dự hội nghị sẽ được phát một (01) phiếu bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT.

- Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên Thành viên HĐQT.

- Trên phiếu bầu cử có ghi mã số từng cổ đông hoặc được đại diện theo ủy quyền, tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền, tổng số phiếu biểu quyết tối đa và được đóng dấu treo của công ty. Khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số và số cổ phần, số phiếu biểu quyết ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

3. Cách ghi phiếu bầu

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu”.

- Nếu không bầu cho ứng cử viên, thì cổ đông để trống hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu”.

- Số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá số cổ phần mà cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền.

- Số phiếu bầu phải được ghi bằng chữ số. Không được thể hiện bằng phân số, tỉ lệ, chữ số la mã, phần trăm hay bất kỳ hình thức thể hiện nào không phải chữ số.

4. Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu bầu cử không do Ban Tổ chức hội nghị phát hành.

- Phiếu bầu cử rách nát, có tẩy xóa, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và hủy phiếu cũ).
- Phiếu bầu cử quá số quyền biểu quyết của cổ đông.
- Phiếu bầu cử có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Phiếu bầu cử ghi không đúng phương pháp được quy định tại mục II khoản 3 Quy định này.
- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội.
- Các phiếu bầu cử không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu bầu cử.

IV. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu, công bố kết quả

1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tịch đoàn đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng bắt buộc không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào Thành viên HĐQT.
- Ban kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính sau:
 - + Hướng dẫn tóm tắt quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT;
 - + Phát phiếu bầu cho cổ đông/người được ủy quyền;
 - + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông/người được ủy quyền;
 - + Tổ chức kiểm phiếu;
 - + Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước ĐHĐCĐ;
 - + Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tịch Đoàn hội nghị;
- Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải bí mật; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước ĐHĐCĐ, sau đó phải niêm phong các phiếu bầu cử, bàn giao dữ liệu liên quan đến bầu cử trên máy vi tính và chỉ được mở khi có quyết định của ĐHĐCĐ.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi thời hạn bỏ phiếu kết thúc;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

3. Nguyên tắc trúng cử Thành viên HĐQT

Ứng viên trúng cử Thành viên HĐQT được xác định là ứng viên có số phiếu bầu cao nhất. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì

sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trắng; tổng số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Thành viên HĐQT. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả Thành viên Ban kiểm phiếu.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố và thông qua trước hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2019.

5. Khiếu nại

Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2019, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu xin ý kiến ĐHĐCĐ quyết định.

Quy định bầu cử này có hiệu lực sau khi được ĐHĐCĐ thông qua (riêng mục 3 phần II quy định này yêu cầu thực hiện như thời hạn trên) và là cơ sở pháp lý cho trình tự và thủ tục bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 của Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất./.

Nơi nhận:

- HĐQT; BKS;
- Đăng trên website Công ty;
- Lưu Thư ký Công ty.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)
Nguyễn Mạnh Hùng

BIÊN BẢN HỌP NHÓM

Đề cử ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO) nhiệm kỳ 2016-2021

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung ngày 12/9/2016;

Căn cứ Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất nhiệm kỳ 2016-2021.

Hôm nay, ngày...../...../.....tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên cổ đông	Số CMND/MSDN	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu	Ký tên
			Tổng cộng	Tổng số CP	

Cùng nhất trí đề cử:

Ông (Bà):

CMND số:Ngày cấp:Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất nhiệm kỳ 2016-2021 tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 20 tháng 4 năm 2019.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):.....

CMND số: Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ*.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

Biên bản này được lập vào lúc..... giờ, ngày/...../..... tại/.

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐƠN ĐỀ CỬ

**ỨNG CỬ VIÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

**Kính gửi: Ban tổ chức hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO)**

Tên tổ chức/cổ đông/đại diện nhóm cổ đông:.....

ĐKKD/CMND số: cấp ngày.....tại.....

Địa chỉ:

Là cổ đông/đại diện nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần: cổ phần tương đương
.....% vốn điều lệ của CECO trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của CECO, chúng tôi trân trọng đề cử:

1. Ông/Bà:.....Sinh năm:.....

Làm ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị CECO nhiệm kỳ 2016-2021.

Tôi/Chúng tôi cam đoan ông/bà có tên trên đủ điều kiện được đề cử vào vị trí Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của CECO.

Tôi/chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của CECO.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu).
2. Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.
3. Danh sách nhóm cổ đông (theo mẫu).

....., ngày tháng ... năm 2019
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số ĐKKD/CMND	Số lượng cổ phần sở hữu	Chữ ký xác nhận

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Kính gửi: Ban tổ chức hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO)

Tôi tên là:.....

Ngày sinh:Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:..... Email:.....

Số CMND/Hộ chiếu:Ngày cấp: Tại:.....

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng cho đến thời điểm hiện tại: cổ phần, tương ứng với: % vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí Thành viên HĐQT CECO.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí Thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của CECO.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của CECO.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày.....tháng.....năm 2019

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
2. Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

ỨNG CỬ VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4x6 , ảnh màu,
chụp không quá 06
tháng

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên được đề cử, ứng cử vào Hội đồng
quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
nhiệm kỳ 2016-2021)

1. Họ và tên :
2. Giới tính : ☐ Nam ☐ Nữ
3. Ngày sinh :
4. CMND/CCCD/Hộ chiếu : cấp ngày..... Tại
5. Quốc tịch :
6. Địa chỉ thường trú :
7. Số lượng cổ phần CEC được ủy quyền hoặc nắm giữ :
8. Số điện thoại liên lạc :
9. Trình độ học vấn :
10. Trình độ chuyên môn :
11. Trình độ ngoại ngữ :
12. Quá trình công tác :
13. Chức vụ công tác hiện tại :
14. Hành vi vi phạm pháp luật :

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm
ỨNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)